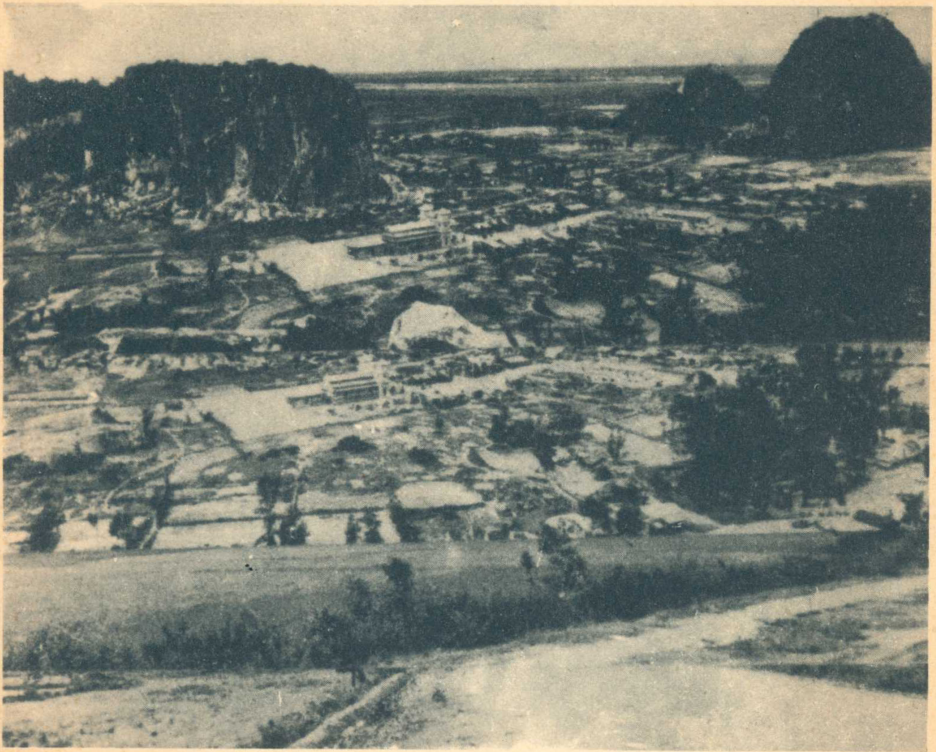


lịch sử

NGŨ HÀNH SƠN

chùa non nước



Chương toạ THÍCH HƯƠNG SƠN

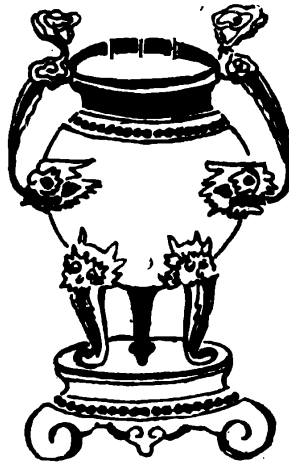
TRÍ-HỮU

SOẠN



NGŨ HÀNH-SƠN

CHÙA NON NƯỚC

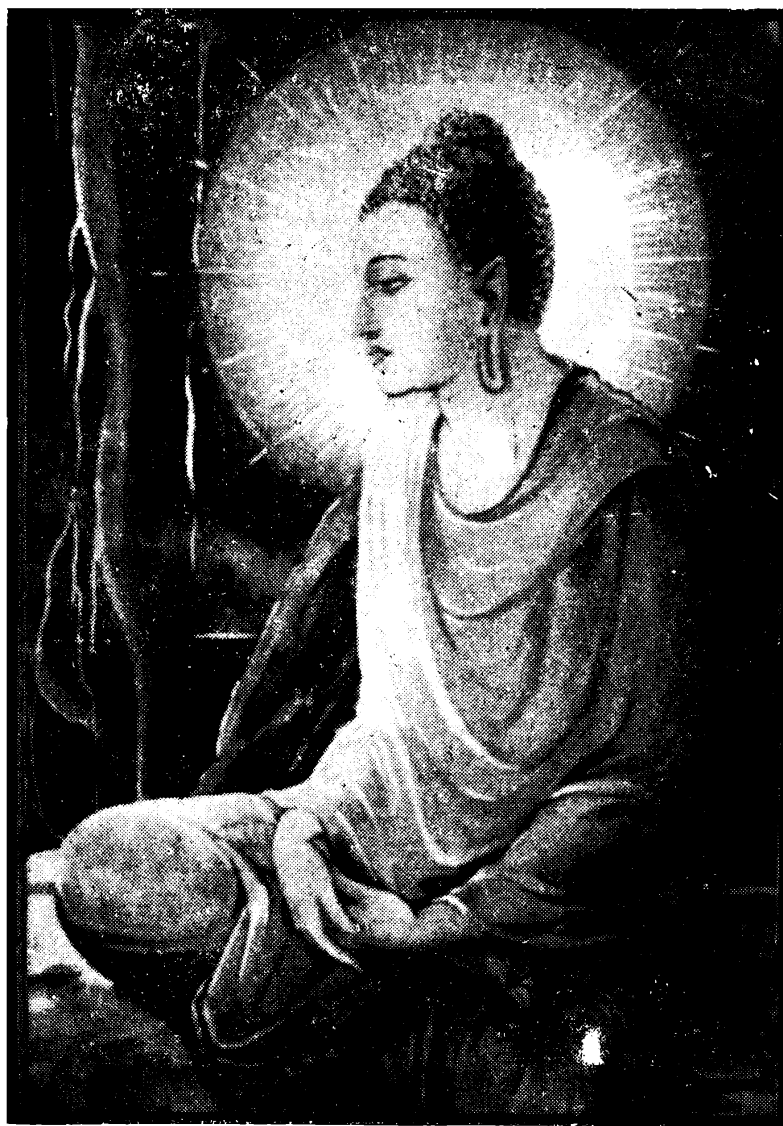


Thượng-Tọa **THỊCH-HƯƠNG-SƠN**

TRÍ-HỮU

cung soạn





THÍCH CẢ MÂU NI PHẬT

— PHI LỘ —

Địa thế nước Việt Nam là một gạch nối của Ấn-Độ Chi-Na, giáp tiếp một bên là nước Ấn-Độ một bên là nước Trung-Hoa; từ thượng cổ, Tờ-Tiên ta đã khởi xướng một bản đồ từ ải Nam-Quan đến mũi Cà Mau. Từ khi Đại Việt Văn Lang khai quốc công thần, nếp sống của dân tộc đã có một lịch sử oai hùng và một nền văn-hiến hơn bốn ngàn năm.

Nhìn vào bản đồ địa dư tuy không to lớn như các ông bạn kế cận là Ấn Độ, và Trung Hoa. Nhưng giang sơn Việt-nam hùng vĩ, non nước hữu tình, đã làm cho du khách quốc ngoại khen thắm và kính nể.

Có Hương Tích Sơn, có Ngũ Hành Sơn, cảnh trí thiên nhiên kỳ quan khả ái (địa linh sanh nhơn kiệt) thấy cảnh biết người .

Ngũ Hành Sơn là một thắng cảnh thuộc vào thượng hạng của Việt Nam, và một kỳ quan của Thế giới. Cảnh trí oai hùng lộng lẫy của Kim Tự Tháp xứ Ai Cập hữu danh, và cái đẹp cái lạ của Kim Tự Tháp khác Ngũ Hành Sơn (non nước);

Một bên thì do bàn tay nhơn tạo, còn Non Nước xứ Quảng; Việt Nam là cảnh trí thiên nhiên.

«Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách, khen bấy thợ trời khéo đắp xây » Núi Bắc Việt có chùa Hương diễm tô cho cảnh trí Hương Tích Sơn, Ngũ Hành Sơn xứ Quảng có thạch động kỳ quan mà lại phụ họa thêm bồi đắp, chùa nguy nga của Đạo Phật, một thắng cảnh kỳ bí của dân tộc, mà lại thêm dấu Tiên gót Phật sẵn đủ ở nơi đây. Một di tích lịch sử, thắng cảnh kỳ quan của bầu Trời hòa tấu thêm của cảnh Phật, thật là như bức gấm dệt thêm hoa, làm cho tinh thần dân tộc Việt nam thêm khởi sắc, quê hương Việt nam hiên ngang uy - hùng.

Có thắng tích, có Đạo Phật tô diễm làm cho thắng cảnh thêm vẻ huy hoàng, thật là Non Nước hồn dân tộc, xứng đáng đất Việt và người Việt vậy.

CHƯƠNG-MỤC

- 1— PHI LỘ
- 2— LỜI GIỚI THIỆU
- 3— CÁO BẠCH
- 4— CẢM NIỆM NGŨ HÀNH SƠN
- 5— BẢN GỠI BỘ THÔNG TIN
- 6— PHẦN CHÍNH (NỘI DUNG)
- 7— PHỤ LỤC
- 8— HẠNH NGUYỆN VÀ SỰ LINH CẢM CỦA ĐỨC BỒ TÁT
QUÁN THẾ ÂM.
- 9— PHỤ BẢN



Lời Giới Thiệu

Bên Trung - Hoa, non Lô - Sơn và sông Chiết - Giang là nơi phong cảnh đẹp nhất. Nếu du khách nào chưa đến viếng cảnh Lô-Sơn và sông Chiết-Giang thì suốt đời coi như còn ôm một hoài mộng! . . . Bởi thế nên có hai câu thơ :

*Lô-Sơn vẫn vạ Chiết-Giang trửu
Vị đảo Lô-Sơn hận bất tiêu. . .*

Cũng thế, ở Việt Nam có Ngũ Hành Sơn hay cảnh Non Nước cũng là một thắng cảnh tuyệt đẹp ở xứ ta, nếu người nhìn với tâm hồn thi sĩ, hay óc thơ mộng. Một du khách nào chưa đến viếng cảnh Non Nước, coi như lòng họ chưa được thỏa mãn

Nghe nói đến «Ngũ Hành Sơn», chúng ta có cảm nghĩ : Cảnh ấy có gì linh thiêng huyền diệu ! . . . Hay nghe nói : «cảnh Non-Nước», chúng ta có cảm nghĩ cảnh ấy rất thơ mộng. Thật thế, khi đến Ngũ Hành Sơn rồi, chúng ta thấy cảnh trí thiên nhiên rất là kỳ diệu ; như có một bàn tay vô hình nào khéo sắp đặt ? Bởi thế, nên có nhà thi sĩ (không nhớ tên) cảm tác một bài thơ sau đây ;

*Hay là Ông Lý Khổng Lồ xây
Mới có non non nước nước này
Ngó lại ngó qua năm cụm núi
Tu lên tu xuống mấy ông Thầy
Lên đài Vọng-Hải trông xa tí
Vào động Huyền-Không thấy trống quầy
Lầu lảo ngâm đưa đôi chén rượu
Cõi trần âu cũng có tiên đây*

Đến cảnh Non Nước, chúng ta thấy phong cảnh rất là xinh đẹp; trên núi non trùng điệp, dưới bề nước mênh mông, nước non chung họa một bức tranh tuyệt diệu. Nếu người có tâm hồn thi sĩ mặc tình cho họ suối thơ tuôn chảy.

Xưa nay đã có rất nhiều thi sĩ đến viếng cảnh Non Nước làm nhiều bài thơ xuất sắc, chúng tôi xin dẫn một bài thi của Bà Bảng Nhãn Quảng Nam, đề giới thiệu cùng quý độc giả :

*Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
Bờng lai âu cũng hẳn là đây
Đá chen với núi màu năm sắc
Chùa nức hơi hương khói lộn mây
Ngư phủ gác cần ngư mặt nước
Tiều phu chống búa dựa lưng cây
Nhìn xem phong cảnh ư lòng khách
Khen bấy thợ Trời khéo đắp xây*

Thượng tọa Thích Hương Sơn có công sưu tầm các bài thơ cảnh Non Nước và tiểu sử Ngũ Hành Sơn, mặc dù chưa hoàn bị, nhưng cũng giúp cho độc giả phần nào tài liệu để tìm hiểu một nơi danh lam thắng tích của non nước Việt .

Chúng tôi xin có đôi lời giới thiệu cùng quý vị.

Ấn-Quang ngày 10.11.1972

Sa - Môn THÍCH THIÊN - HOA

CAO BẠCH

Vào đầu năm 1960, từ Sài Gòn đến Non-nước đề lo phận sự ở đây, tôi đã nghĩ đến việc sưu khảo thắng cảnh này. Ý muốn như thế, nhưng với tôi thấy không đủ khả năng. Bởi lẽ :

- Tôi không phải là người chuyên môn khảo cổ.
- Tôi không phải là nhà văn học nghệ thuật.

Nói đến quyền lịch sử Ngũ Hành - Sơn, khó tìm ra sử liệu đầy đủ, kể cả thắng cảnh và thiên nhiên màu nhiệm.

Vì thế, tôi không dám nghĩ tới việc biên khảo. Rồi đổ cảnh tư nhơn, thúc dục, rồi lại nghĩ ngợi... Cứ như vậy, đến năm 1970 mới quyết định sưu khảo theo lịch trình thông lệ của thắng tích, mạo muội viết quyền mệnh danh LỊCH SỬ NGŨ HÀNH SƠN.

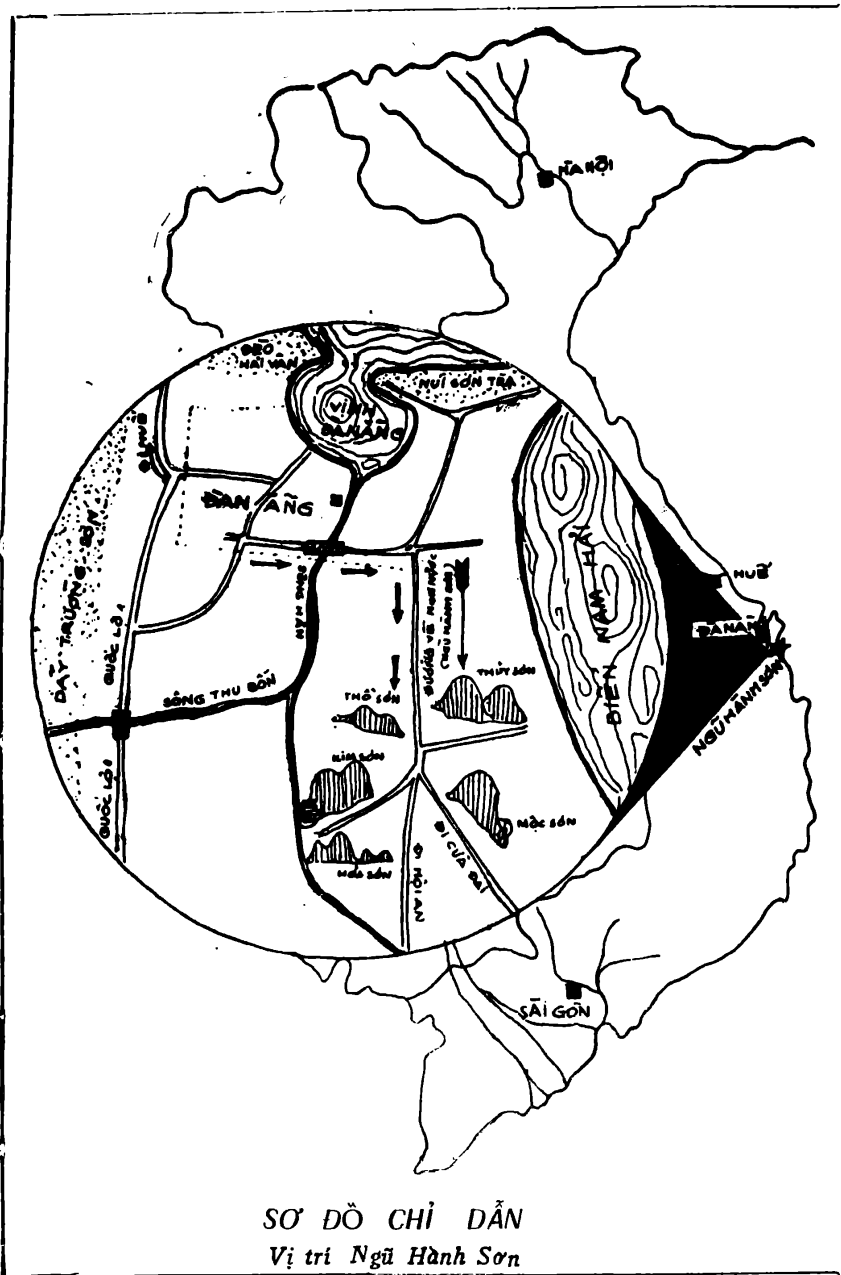
Tôi nghĩ, với thắng cảnh kỳ quan của nước nhà và tôn giáo đây đã có một lịch sử quá lâu xa, không hăng hái, thì không gọi lên được một vài ý niệm cho mọi người lưu ý quý mến nước nhà ; còn hăng hái viết lên, thấy không đủ tài đức để làm việc có tánh cách quan trọng.

Tuy nhiên, có còn hơn không, nên tôi đánh bạo sưu tầm viết ra quyền Ngũ Hành Sơn này. Vậy tôi trông mong hải-nội thiện tri thức tha thứ cho những chỗ còn thiếu sót, đồng thời phụ chính bổ túc cho những chỗ thiếu sót đó, để được đầy đủ. Và nhất là có cơ hội tốt sắp tới, viết lại lần thứ hai, hoặc thứ ba, thêm vào tranh ảnh bằng màu của các thạch động cổ tích, thì quyền sử liệu này mới có thể hoàn bị. Đó là ý niệm thành thật và mong mỏi của tôi.

Trân trọng kính cáo,

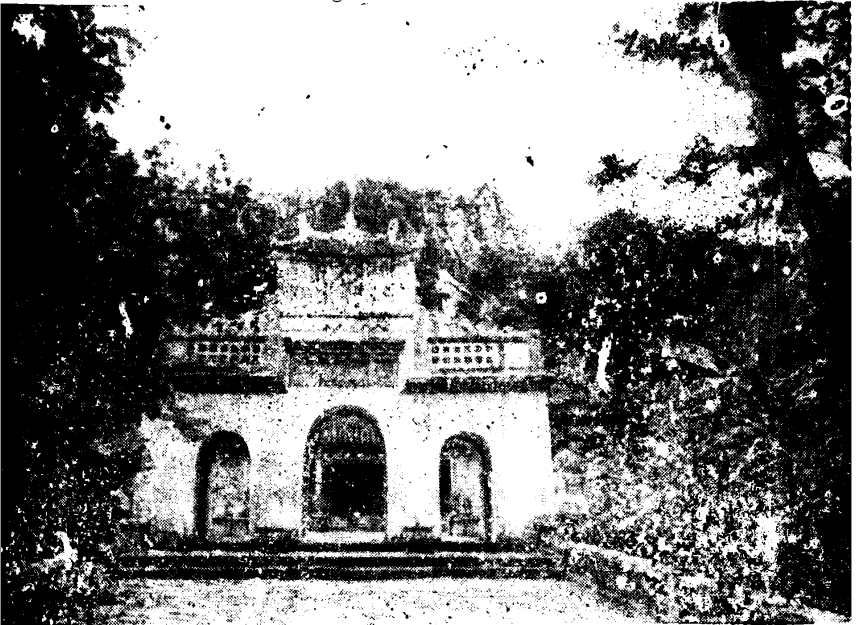
THÍCH HƯƠNG SƠN

TRÍ HỮU





Toàn khu Ngũ-Hành-Sơn (1)



Tam quan chùa Tam Thai (3)

cảm niệm

Viếng Ngũ-hành-Sơn

và tác phẩm nói về danh thắng này

Tôi đến viếng Ngũ Hành Sơn vào giữa mùa thu Việt Nam chinh chiến, âu cũng là dịp may. Khi tôi vừa đặt chân lên nơi thắng tích, thì nổi vui mừng trong tôi bỗng nhiên nổi dậy, nhưng khi viếng qua các hang động, các ngôi đền, chùa, miếu mạo linh thiêng và nhất là năm cụm núi, tượng trưng cho kim mộc thủy hỏa thổ, thì tôi không còn vui như phút ban đầu. Tôi bước đến ngồi trên một tảng đá, trước mặt cửa động, hướng nhìn ra biển, tôi lật quyển nhật ký ghi vội mấy dòng suy tư. Vì không đủ nhân duyên, nên tôi không lưu lại thắng tích này được lâu. Tôi ra về lòng hăng ao ước có thì giờ được trở lại viếng Ngũ Hành Sơn để được nghiên cứu nhiều hơn; nhưng vẫn chưa gặp dịp!

Chiều nay cũng lại là một buổi chiều của mùa thu chinh chiến, tôi được gặp Thượng tọa Thích Hương Sơn, tại Sài Gòn; Thượng tọa cho biết là Thượng tọa đang cho xuất bản quyển Ngũ Hành Sơn và Thượng tọa bảo tôi viết cho tác phẩm, một bài cảm niệm; tôi van xin từ chối, vì đề nhường những người có địa vị; tôi giới thiệu và đề nghị Thượng tọa nên mời các vị như giáo sư Lê Văn Siêu, anh Võ Đình Cường hoặc các vị giáo sư Sử Địa viết, thì tác phẩm mới có giá trị. Thượng tọa ra về tôi mừng là đã thoát được cái nạn viết cảm niệm, Nhưng rồi nổi mừng ấy chỉ được có mấy hôm. thì điện thoại từ Ấn Quang gọi đến, Thượng tọa bắt buộc tôi phải viết bài cảm niệm. Sự bất đắc dĩ, tôi mới cầm bút viết, bỡ ngỡ xét mình chưa xứng đáng, nhưng biết làm sao, khi mà một bậc thầy đã năm bảy lần sai bảo.

Tôi lục tủ moi quyển nhật ký mà cách bốn năm trời tôi chưa có dịp xem lại. Hơn nữa thời giờ gấp rút quá, mà văn chương gặp lúc đất nước đang thiết quân luật thì làm sao có ý, nên thôi thì trích nhật ký là tốt hơn hết. Dưới đây là những giòng nhật ký.

★ ★ ★

Ngũ hành sơn một chiều trọng thu 1969

... «Tại sao Việt nam mình lại có cảnh đẹp như thế này, từ nhỏ mình chỉ nhìn Việt nam trên bản đồ giấy, ngày nay mình mới được chứng kiến cái đẹp hùng vĩ của non sông đất nước. Như vậy thì kể từ hôm nay mình được quyền hạnh phúc chứ; Bấy lâu người ta cứ bảo mình là dân «nhược tiều».

Không? Không thể được; Mình chỉ là người dân của tiều Quốc thôi; Dân

của nước nhỏ, chứ không phải dân của nước nhược. Khiếp làm sao được khi mà Việt nam mình đã từng ngăn chặn bao mộng xâm lăng của các cường quốc và nhược làm sao được, khi đất nước mình đã có những nơi linh địa như thế này.

Song bên cạnh các hành diện ấy thì tâm trí mình bắt buộc phải suy tư rằng : Tại sao mình học sử thế giới, mình chỉ thấy bốn ngàn năm trước tây lịch kỷ nguyên, thì có nền văn minh Ai cập hiện diện, sau đó năm trăm năm thì văn minh Ba Tư, rồi đến năm hai ngàn tám trăm, lại có nền văn minh Trung Hoa; sau Trung Hoa một ngàn năm văn minh Ấn Độ lại xuất hiện; và cũng vào thời thượng cổ (tức trước Tây lịch Kỷ nguyên) năm thứ một ngàn một trăm lại có nền văn minh Hy-Lạp.

Còn Việt Nam mình tại sao không có ? Và nếu như trước Tây lịch chưa có, thì thôi đã đành đi, tại sao sau Tây lịch NHÂN KIẾT Việt Nam cũng chưa dành quyền sử thế giới đề ghi vài hàng rằng «NỀN VĂN MINH VIỆT NAM VÀO NĂM X. . . .» Mà không lẽ Việt Nam hùng vĩ và biết bao là địa linh nhân kiệt, mà lại không có nền văn minh siêu việt một thời đối với thế giới hay sao ? Theo nhiều tài liệu cho biết, trong đó có quyển Cao-Biên Địa Lý Tố Thư đã nói rõ, là Việt Nam long mạch, nhiều vô cùng vô tận. Ngũ hành Sơn này, cũng thuộc một trong trăm ngàn vạn ức nơi linh địa của Việt Nam, nhưng tại sao chưa có thành tích văn minh trong quyền thế giới sử?

Có chứ ! . . Nhưng chưa, mình hãy ghi mấy dòng «suy tư» này vào lưu bút và hãy đặt rất nhiều niềm hy vọng ở tương lai . . .

oOo

Hôm nay Thượng tọa Thích Hương Sơn, ngài sư soạn và xuất bản quyển lịch sử Ngũ Hành Sơn, với một công trình khó nhọc, chẳng những giúp du khách một địa bàn khi viếng danh thắng Ngũ Hành Sơn, mà lại còn giúp dân hậu học chúng tôi, một tài liệu lịch sử quý báu. Tôi chẳng biết nói gì hơn và cũng chẳng dám ghi gì hơn, chỉ mong sao mọi người Việt chúng ta đều được uốn đúc khí thiêng Việt Nam linh địa. Riêng tại Ngũ Hành Sơn chúng tôi ước mong những nhà làm văn hóa, các tâm hồn vĩ nhân và các vị có trách nhiệm với đất nước, hãy dành ít thì giờ nghiên cứu, khi cuộc chiến chấm dứt, chúng ta nên góp thêm bàn tay nhân tạo quan trọng vào nơi thiên nhiên huyền bí này, để sớm được thành một kỳ quan vĩ đại, đứng ngang hàng với các kỳ quan ưu hạng trên thế giới. Có vậy thì chúng ta cũng được (gọi là phần nào) đỡ thấy khó chịu, mỗi khi mình xác nhận là người dân có nền văn hiến ngót năm ngàn năm.

Sàigòn Thu Nhâm Tý (1972)

TU SĨ THÍCH THÔNG BỬU

Nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút

TUẦN BÁO AN LẠC



Đường cấp lên chùa Tam Thai (2)

Đà-Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 1972

Kính gửi : ÔNG GIÁM ĐỐC THÔNG TIN
QUÂN KHU I : TRUNG PHẦN
(Tại Đà Nẵng)

Trích vếu . v/v Xin phép xuất bản quyền lịch-sử Ngũ Hành Sơn, Quảng Nam.

Kính thưa ông Giám Đốc.

Ngũ Hành Sơn là thắng cảnh của nước Việt Nam, trong Bảo Tồn Cờ Tịch và Danh Thắng đã nêu lên hàng đầu và được xem là nơi biểu tượng Văn Hóa của dân tộc. Trước đây trong Lịch Triều Biên Khảo có Ngũ Hành Sơn lục và người Pháp có viết một quyển theo trong tập Đồ Thành Hiếu Cờ (Amode de Huế) các quyển đó nay đã thất lạc. Tôi Viện Trưởng Tu Viện, tại Ngũ Hành Sơn tục danh là Lê Trí Hữu, thẻ căn cước số : 08044399, cấp tại Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 1971, cũng soạn một quyển mệnh danh (Lịch Sử Ngũ Hành Sơn). Tuy viết về thắng cảnh này không có một sử liệu nào đề viết cho đầy đủ, nhưng mục đích là đề về sau người ta theo đó cũng khái niệm được khỏi thất lạc hẳn.

Vậy kính xin ông Giám Đốc cho phép chúng tôi được xuất bản quyền lịch sử Ngũ Hành-Sơn nói trên.

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận, tôi xin chân thành cảm ơn ông Giám Đốc, chúc ông Giám Đốc thân tâm thường an lạc.

Kính,

Thượng Tọa THÍCH HƯƠNG SƠN

Lịch sử Ngũ Hành Sơn

NON NƯỚC XỨ QUẢNG

- I. — TÒNG DẪN.
- II. — NGŨ HÀNH SƠN
- III. — KHẢO SÁT
- IV. — THẠCH ĐỘNG
- V. — VỌNG GIANG, HẢI ĐÀI
- VI. — GIẾNG TIÊN, ĐƯỜNG LÊN TRỜI, ĐƯỜNG ÂM PHỦ
- VII. — CHÙA, ĐỀN, MIẾU
- VIII. — ĐƯỜNG CẤP
- IX. — ĐÁ VÀ CÁC SẮC ĐÁ
- X. — THƠ VỊNH
- XI. — YÊN TỬ ĐẤT QUẢNG
- XII. — TÍN NGƯỠNG VÀ BẢO VỆ
- XIII. — CẢM TƯƠNG
- XIV. — TÒNG KẾT.

Lịch sử Ngũ-Hành-Sơn

NON NƯỚC QUẢNG-NAM

I.— TÔNG DẪN :

Năm châu bốn biển đồng ở trong nhà trời đất, khắp trong đất trời, không biết bao nhiêu hiện tượng sai khác, nào sông, nào núi, nào là cỏ cây; cao nguyên đồng bằng sa mạc, Ngũ Đại Dương...

Quốc gia nào cũng có một lịch sử, mỗi địa dư đều ở trong bầu trời đất. Nhưng mỗi nước khác nhau, như tại nước Ấn Độ có núi Hy Mã Lạp Sơn, sông Hằng, tại Âu Châu, Pháp, Anh, Đức, Ý. v.v.. Các nước ấy có nhiều hình thể như sông rộng núi cao, còn như gần nước ta có Đẻ Thiên, Đẻ Thích. Thật là thiên hình vạn trạng của tạo vật văn bày. Cũng như các nước khác, tại Việt Nam có núi Hương - Tích, có đất Ngũ Hành Sơn (Non - Nước).

II.— NGŨ HÀNH SƠN :

a.— ĐỊA THỂ: Ngũ Hành Sơn tại Trung Phần nước Việt Nam, tọa lạc tại Tỉnh Quảng Nam, địa thế tỉnh Quảng Nam, là hình tròn thung lũng, từ Bắc đến Nam, núi non chòn chở bao phủ chung quanh, hướng về Đông bắc là núi Ngũ Hành Sơn, gần núi Tiên-Trà, hướng Bắc tỉnh này là núi Hải Vân, hướng Nam là núi Trà Kiệu, hướng Tây là dãy Trường Sơn. Khi người ta đi trên không phận nhìn thấy núi cao, biển rộng, địa thế của Tỉnh Quảng Nam. Quan sát cảnh trí Hùng-Vĩ, sơn thủy hữu tình. Hơn nữa người ta nhìn tổng quát bốn phương tám hướng, hình thể của tỉnh Quảng

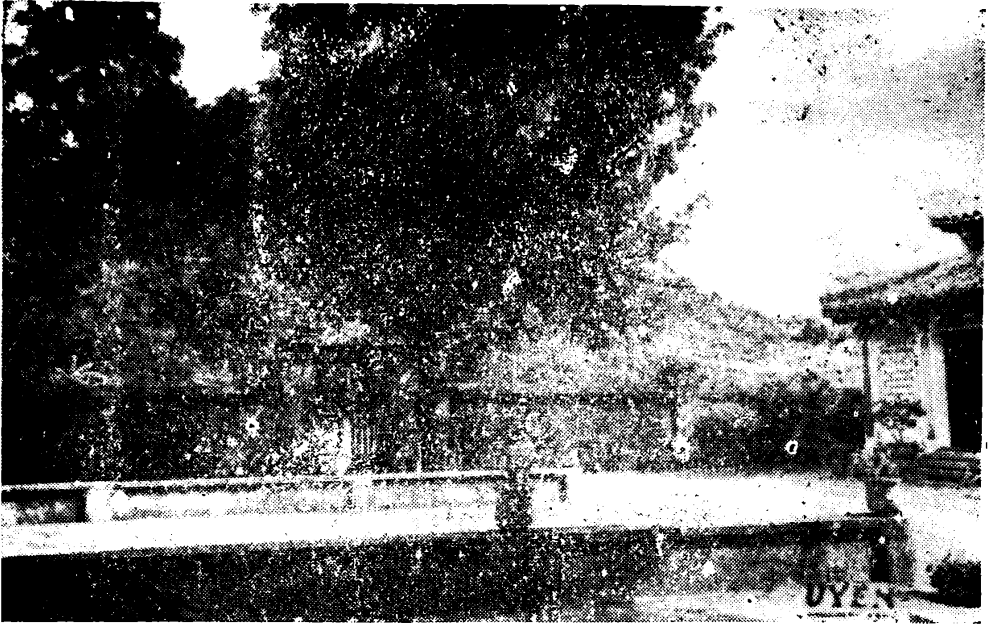
Nam thời Ngũ hành sơn là dãy núi làm ấu bình phong cho toàn cảnh của tỉnh này.

b.— VỊ TRÍ: Ngũ hành sơn thuộc Tỉnh Quảng Nam, khoảng giữa Đà Nẵng và Hội An, giữa trời bề bao la đột nhiên mọc lên năm cụm núi : Kim sơn, Mộc sơn, Thủy Sơn, Hỏa sơn, và Thổ sơn.

Bên bờ biển Nam Hải với những bãi cát trắng mênh mông, hòa với cảnh trí của tạo vật bởi con sông Trường Giang ồng-ẻo, quanh co, phát nguyên từ Cao sơn, uốn mình theo địa thế của đất Ngũ-Phụng Tề-Phi, rồi đến cửa bể Đà Nẵng; trên bản đồ của đất nước Việt Nam, trừ Hương Tích Sơn (Bắc Việt) ra, không có tỉnh nào có những hiện tượng núi non kỳ lạ như núi Ngũ hành Sơn, (non nước xứ Quảng). Nơi đây đã từng làm nổi tiếng địa thế của tỉnh Quảng Nam và người hùng Quảng Nam xưa nay.

Nói đến núi non thì ở đâu cũng có non núi cả, nhưng Ngũ hành Sơn có một đặc tính cho lịch sử đất nước Việt Nam. Sự hiện diện của Ngũ Hành Sơn đã tô điểm cho toàn nước Việt Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng, là lịch sử hùng vĩ của đất Việt và người Việt. Như chúng tôi vừa mới trình bày, Đâu đâu cũng có núi, đá, vì tạo hóa đã giăng bày các hiện tượng trong trời đất, nào là núi non đất đá, thù hình dị trạng, nhưng Ngũ hành Sơn là nơi có nhiều hiện tượng kỳ quan tự nhiên, nó tiêu biểu cho sự huy hoàng của xứ sở và nhân vật lỗi lạc, oai hùng,

Địa linh mới sinh ra nhơn kiệt, những phần đất có nhiều kỳ quan, những hiện tượng khác thường như thế là linh địa. Dù cho người Đông phương hay Tây phương cũng thế, đến một xứ nào, một nước nào họ thấy



Hoàng cung bên cạnh chùa Tản Thai (4)



Trung tâm Ngũ-Hành-Sơn (5)

hình thế núi sông cảnh trí của nước đó, họ biết ngay nước đó ra sao? Và nhưn vật tuần tú, hào hùng ra sao? Vì thế địa linh mới sinh nhưn kiệt, non sông chung tú khí, non sông chung vượng khí, non nước uôn đúc bồi nên người Hùng vậy.

c.— CẢNH TRÍ, DANH THẮNG :

Cách Đà Nẵng 08 cây số về hướng Đông Nam và vượt qua con sông Trường Giang, người ta thấy mọc lên trên bãi cát mênh mông gần bờ biển Tiên Châu, những hòn núi tuy không cao nhưng có những vẻ đặc sắc: kỳ lạ, đó là Ngũ Hành Sơn.

*Cảnh trí nào hơn cảnh trí này.
Bờn lai âu cũng hẳn là đây
Đá chen với núi màu năm sắc.
Chùa nức hơi hương khói lộn mây:
Ngư phủ gác cần ngư mặt nước
Tiều phu chống búa dựa lưng cây
Nhìn xem phong cảnh ư lòng khách.
Khen bấy thợ trời khéo đắp xây.*

Danh thắng này nằm gần làng Khoán-Khái (Đông) thuộc ấp Sơn Thủy, phía đông bắc làng Hóa Khuê. Nhóm núi này có 5 cụm sắp thành hai hàng, mỗi hàng hai ngọn nằm ngang từ bờ biển đến con sông Trường Giang, trên một diện tích rộng độ 2 cây số vuông (2 km²) và bề sâu độ 10.000m, giữa cảnh trời biển mênh mênh, giữa một bãi cát trắng lẫn tẩn ngọn sóng, bên giòng sông xanh uôn khúc. Ngũ Hành Sơn hiện lên gây một tương phản thú vị, là u ngạc nhiên những du khách đi tìm cảnh đẹp, với hình thù khác lạ, màu sắc biến chuyển theo thời tiết. Vẻ đẹp trầm tĩnh, Ngũ Hành Sơn có một sức quyến rũ lạ lùng, khiến cho du khách khi đi đền Quảng Nam hay Đà Nẵng mà không có cơ hội đền viếng thăm cảnh này thì thấy như mình đã phụ tình Non Nước,

Mặc dù 6 ngọn núi, nhưng đứng trên cao nhìn xuống người ta thấy chỉ có 5 và người xưa chỉ đặt có 5 tên! Kim Sơn, Mộc Sơn, Thổ-Sơn, Thủy Sơn, và Hỏa Sơn. Riêng về Hỏa sơn có 2 ngọn là Dương hỏa Sơn và Âm hỏa Sơn. Từ xưa đến nay nhóm núi này, đã được người ngoại quốc và người trong nước đặt cho rất nhiều tên. Đó cũng là một bằng chứng, chỉ sự quan trọng của nó. Người Pháp gọi là (MONTAG NESE MARBRES) núi cẩm thạch (Rochers Dufaifoo núi đá Faifoo Montagnys de Touraaré). Người Việt chịu ảnh hưởng Hán học, gọi nó bằng nhiều tên khác nhau; Ngũ - uân - Sơn (núi Năm Chòm), Phò - đà - Sơn, Núi Bạch - Hoa Ngũ - Chỉ (Năm ngón tay) vì đứng trên cao nhìn xuống nó giống năm ngón tay ấn xuống đất, người thường dân thì gọi bằng một tiếng giản dị nôm na nhưng không kém thơ mộng đó là Hòn - Non - Nước, núi Non - Nước. Bây giờ người ta chỉ còn gọi cái tên mà Vua Minh - Mạng đã đặt là Ngũ - hành - Sơn, hay người ta thường cho núi Non - Nước cái tên thường gọi.

III. KHẢO SÁT :

Phù nhất thiên niên tiến

Ngũ - hành nhật hải - đảo

Nhất thiên niên hậu vị ngũ hành.

Nghĩa là một ngàn năm về trước, Ngũ - Hành - Sơn, là một hải đảo, một ngàn năm Sau là Ngũ - Hành - Sơn Ngũ - Hành - Sơn từ khi khai thiên lập địa nó là các hòn đảo (cù lao) mọc lên với bốn bề là nước trời, trải qua thời gian có lẽ vì sóng nước đánh mãi mãi với thời gian, nên sau nấy thấy những ngón cát trắng phau phau, in lẫn mặt biển, có lẽ trước tiên thấy bờ biển xa xa ở tận ngoài bể khơi, lần lần bờ biển người



Trung tâm thủy sơn (6)



Triền núi thủy sơn (7)

ta thấy gấn và cát trắng bắt đầu bao chung quanh những hòn núi, một việc tự nhiên dễ hiểu là bởi sóng đánh với thời gian lâu kiếp lâu đời đem cát bồi lấn lấn, bồi cát lấn với sóng vỗ mãi của thời gian, bởi sự bồi lấp đó, nên bây giờ chúng ta thấy năm ngọn núi ở trong đất liền, trước đây người ta cho Ngũ - Hành - Sơn có nhiều hiện tượng lạ, là có nhiều khi trong chùa hoặc người địa phương tìm hiểu thấy những đồ vật ở tại các hang động, như thả quả bưởi quả bóng xuống hang, sau đó thấy vật nổi lên trên mặt biển. Như thế chúng ta thấy các hang động tại núi Ngũ Hành Sơn ăn thông ra biển và nước.

Bây giờ thường ngày du khách đăng sơn, phóng tầm mắt thấy cát trắng ở bờ biển nối liền nhau, như thế do cát bồi mà Ngũ Hành Sơn bây giờ nằm trong lục địa, hơn nữa chung quanh và kề cận các cụm núi đều là những cồn cát trắng bao la chen nhau, chung quanh độ hai mươi cây số ngàn, kể cả bốn bề của núi non, hiện tượng này cũng giống như Non nước Ninh Bình Bắc Việt. Tại Ninh Bình những cửa hang, người ta thường rước du khách đi bằng ghe, các cụm núi chung quanh những hiện tượng núi nước ăn thông giống nhau. Như thế việc khảo sát lịch sử núi Ngũ Hành là một cảnh thiên nhiên kỳ thắng của nước Việt Nam và tất nhiên đã có từ khi trời đất dựng nên muôn vật và trước kia là núi nước ăn liền, rồi sau dần dần sóng vỗ bồi thành Ngũ Hành Sơn với bãi cát trắng bao la. Hỗn độn sơ khai còn khôn dị điện. Nghĩa là không gian vô tận ư ám chưa phận trời đất, không gian một khối

hỗn độn chưa phân ngày đêm, chưa có sự hiện diện vận hành của quả đất, thời Non-Nước cũng chưa có. Tạo hóa đã đặt bày sau khi đó mới có câu thề non hẹn biển nghĩa là :

Nước non hẹn một lời thề
 Nước đi đi mãi không về cùng non,
 Nhớ lời hẹn nước thề non
 Nước tuy đi mãi non còn trơ trơ

Rồi đến thời kỳ hỗn độn sơ khai, cần khôn thi điện, nghĩa là khỏi không gian u-ám hỗn độn vô tận đó bắt đầu phân chia có trời đất có ngày đêm, là bắt đầu việc vận hành của quả đất, của nhật nguyệt tinh tú, bây giờ Non Nước đã ẩn hiện trong không gian, rồi bắt đầu ẩn hiện trong thời gian, từ khi khai thiên lập địa, là từ đó đã có Non Nước và có Ngũ Hành Sơn

IV NHỮNG CHUYỆN THẦN THOẠI.

Trước một cảnh đẹp khác thường, dân tộc nào cũng thấy cần tìm những gốc tích thiêng liêng kỳ lạ, âu cũng là một cách tỏ lòng ca tụng sùng kính.

Người Việt Nam chúng ta giàu tưởng tượng và chịu ảnh hưởng chuyện Tây du, nên đã giải thích sự cấu tạo của Ngũ Hành Sơn theo thần thoại bằng câu chuyện như sau :

Tề Thiên Đại Thánh là mặt khỉ tu luyện lâu năm nên có nhiều phép thần thông, do đó nên rất kiêu mạng khinh khi với ngọc Hoàng Thượng Đê tranh ngôi. Đê tránh sự kiêu mạng của Tề Thiên Đại Thánh ; Phật bà Quan Âm mới hỏi Tề Thiên Đại Thánh rằng : Người có những



Huyền Không Quan vào động (8)

phép thần thông như thế nào, mà dám tranh ngôi với Ngọc Hoàng ?

Tề Thiên trả lời « Ta có phép lạ như : Không bao giờ già chết, ta có thể nhảy một bước 10.800 dặm. Phật Quan Âm liền thách nói : «Thề nếu ngươi nhảy qua khỏi bàn tay ta, thì ngươi có quyền tranh ngôi với Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Tề Thiên đại Thánh liền nhảy qua bàn tay của Phật Quan Âm, nhưng bị ngài chụp lại và nắm ngón tay Ngài trở thành năm trái núi, giam Tề Thiên vào trong. Ngài khắc vào chóp núi câu thần chú « Ân ma ni bát di hồng,» để Tề Thiên Đại Thánh không thoát ra khỏi được. Năm trăm năm sau Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh, khi Ngài Tam Tạng đi ngang qua đó nghe tiếng kêu than của Đại-Thánh, mới xin Phật Quan Âm cho phép Đường Tam Tạng xóa câu chú ở chóp núi. Từ đó Tề Thiên Đại Thánh được thoát ra khỏi núi và đi theo hầu ngài Tam Tạng qua Tây Trúc thỉnh kinh, do đó mà Ngũ Hành Sơn có tên Ngũ chỉ (năm ngón tay).

Người Chiêm Thành lại cắt nghĩa một cách khác. Sự hiện diện của Ngũ Hành Sơn : một vị ẩn sĩ sống giữa bãi cát, một hôm ngạc nhiên thấy nữ thần NAGA đem đến cho mình một cái trứng; Trứng này thần Kim Qui canh giữ từ phía đông Đà Nẵng, để trừ những sự khuấy phá của ma quái. Thần kim Quy cho ông lão Ẩn Sĩ một cái móng. Cái trứng trở thành to lớn kỳ dị làm cho ông lão sợ. Thế rồi một hôm, sau một giấc ngủ say, ông lão tỉnh dậy thì thấy một thiếu nữ từ cái trứng nở ra, cái vỏ trứng trở thành những trái núi, tức là Ngũ Hành Sơn

lão Ân Sĩ và thiều nữ giúp đỡ rất nhiều cho dân chúng trong vùng, nào bỏ thí cho người nghèo, chữa bệnh cho người đau, chống đỡ dân lành khỏi bị cướp phá. Vua Chăm nghe được câu chuyện ấy, sai quan đến hỏi thiều nữ làm vợ. Từ đó lão ân sĩ cỡi Kim quy biến lên trời.

Nghiên cứu một cách khoa học, thời những hang động kỳ dị, những hòn núi và những hang động sai thù đó đã bị khí hậu nắng mưa mài dũa, xoi xĩa chỗ nẩy hăm hồ, chỗ kia đá vôi bị lở thành hang thành động, những chỗ cắm thạch còn, lại làm sườn với những hình thù kỳ lạ, bất ngờ khiến ai đến viếng cảnh nầy đều liên tưởng đến sự sắp đặt của bàn tay huyền bí.

Ai là người đầu tiên đã tìm ra được những ngọn núi nầy và đền ở đây, ta cũng khó có thể biết được. Có lẽ trong những quá khứ xa xưa, khi những ngọn núi nầy là những hòn đảo, chỗ nầy là nơi trú ngụ của bọn cướp biển, hay của những người đi đánh cá.

Nhưng những dấu vết di tích thời đại thượng cổ ấy, qua bao giòng năm tháng không còn để lại gì cả.

Trong thời gian người Chiêm Thành chiêm cứ phần đất này, một ít di tích còn để lại trong những viên gạch đá mà bây giờ chúng ta thấy tán rác đó đây trong mấy ngọn núi ấy có lẽ xưa kia ở đây người Chăm đã dùng làm một vọng hải-đài, một đồn trú đề canh gác mặt biển và có lẽ đã dùng làm trung tâm cúng bái xây dựng những đền đài để thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng rất mạnh mẽ của người Chiêm Thành,



Hoa nghiêm động (9)

Nhưng những tượng thần, những điện tháp bây giờ còn lại những gì rất ít, đôi ba tảng đá chạm hình người trong các hang động, như tượng Bà Lối-Phi và Bà Ngọc-Phi ở trong động Huyền-Không hay động Tàng-Chơn chùa Linh-Ứng, những đền điện của người Chăm bị tàn phá vào đời Hồng-Đức (Vua Lê-Thánh-Tôn) trong khoảng thời gian từ 1460-1497 là thời-gian mà người Chiêm-Thành bị quân ta đánh đuổi phải chạy vào phía Nam. Từ ngày đó Ngũ-Hành-Sơn trở thành thắng cảnh của Việt-Nam và thuộc về Châu-Thổ Thuận-Hóa.

x x
x

CÁC THẠCH - ĐỘNG

(Các động hang tự-nhiên)

*Cảnh-trí nào hơn cảnh trí này
Bồng-lai âu cũng hẳn là đây.
Đá chen với núi màu năm sắc
Chùa nức hơi hương khói lộn mây.
Ngư phủ gác cần ngư mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.
Nhìn xem phong cảnh ư lòng khách.
Khen bầy thợ trời khéo đắp xây.*

Trước khi hướng dẫn quý vị đi thăm các động hang tự-nhiên, cũng nên khái-niệm hiểu biết qua các sản vật, các sắc đá ở khu núi Ngũ-Hành-Sơn. Chắt đá tại Ngũ-Hành-Sơn là những chắt đá đặc biệt hơn các núi khác ở khắp nước Việt-Nam, hay là những đá ngũ sắc đó đặc-biệt khác hẳn với các chắt đá các núi trên thế-giới. Chúng ta cũng

được biết là núi đá trắng, chắt trắng tại I-Ta-ly (Y-Đại-Lợi), đá đó có nhập cảng vào Việt-Nam chắt đá trắng Y-Ta-ly, nó mềm hơn đá trắng non nước, người Pháp gọi là «Montagues de Masbres» núi cẩm-thạch (cũng có nghĩa là núi đá hoa) có những bản chắt đá, 1: sắc trắng, 2: sắc màu hường, 3: vân đen sơn thủy, 4: đá vân, có những sắc đá màu khác nhau hiện trong đá « đá ngũ - sắc long lanh như gấm dệt »:

Biển lām, danh sơn nhựt di tà.

Hải đài ý vọng hải dương ba.

Thừa phong nhạn tự khinh khinh phấn.

Trục lāng ngư thuyēn khoảng khoảng qua.

Tịch xử yên tri thiên địa quảng.

Đặng cao phương thức thủy vân đa

Kích mục ba đào như cô nộ.

Vị vãn giang sơn cáo tổ hà.

THẠCH ĐỘNG

Thạch động núi Thủy sơn.

1/ Huyền không động,

2/ Vân thông động,

3/ Tàng chơn động,

4/ Linh nham động,

5/ Ngũ cốc động,

6/ Âm phủ động,

7/ Thiên long cốc

8/ Vân căn nguyệt quật,

9/ Giếng Tiên.



Đường cấp xuống động Huyền-Không (10)

- 10/ Nhứt thẳng động,
- 11/ Vọng giang hải đài,
- 12/ Đường lên trời,

NÚI KIM SƠN

- 1/ Quan Âm động,
- 2/ Thiên trù động,

THẠCH ĐỘNG NÚI HÒA SƠN

- 1/ Huyền vi động,
 - 2/ Động Ông Chài,
- Ngoài ra còn có các động:
- 1/ Mộc sơn động,
 - 2/ Thỏ sơn động,
 - 3/ Âm hỏa sơn động,

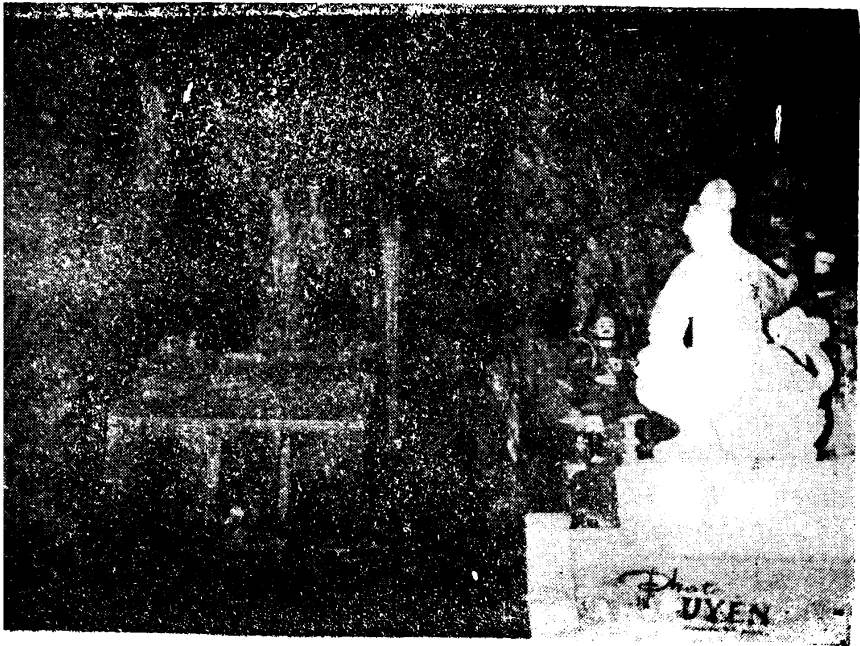
HUYỀN KHÔNG ĐỘNG

Xin mời quý vị đã mệt mỗi khi lên đền chùa và vượt qua bao nhiêu tầng cấp lên núi đã nghĩ xả hơi, bây giờ đã có phần khỏe trong người, xin cùng chúng tôi lần lượt đi lễ chùa viếng thăm và xem các thạch động, đường cấp lên ngã Vọng giang đài vào cửa Tam quan chùa Tam Thai, lễ hương nguyện cầu, rồi chúng tôi tiến vào ngõ hông chùa để vào động Huyền không, trước khi đặt chân đến động này là ta phải vào cửa Huyền không quan du khách bắt đầu rẽ hướng vào động, phóng tầm mắt đã thấy ngọn núi chờn chờ và tòa Tam quan không biết đã thầy xây đắp từ bao giờ nhưng trong thật là cổ kính, có lẽ xây dựng

vào khoảng năm 1650; trên cửa Tam quan này có đề ba chữ Huyền không quan. Sau khi vào cửa tam quan là thấy ngay tượng Đức Quán Thế Âm đứng, nhìn khách lễ bái thập phương. Tượng thờ Đức Quán Thế Âm-Bồ tát, thờ từ lâu và thầy tòa Ngài ngự tọa tại Động Hoa nghiêm, trước Động Huyền không, nên du khách muốn vào viếng động trước phải đi qua chỗ thờ. Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, thoát nhiên hướng mặt về phía cửa động thấy một khóm đen thui thui như thề là cặp đèn động. vì sao thề, vì muốn vào động phải đi qua những ngách hang và rất khó đi, nếu không cẩn thận thì nhiều người có khi phải bị té hoặc bước chân quá giới, vì cửa động đi vào không có ánh sáng, mà trong đại động cũng không mây bạch nhật, nghĩa là thiếu rất nhiều ánh sáng, nên muốn vào động là du khách phải cẩn thận. Tôi nhớ có nhiều người phải nói với nhau dặt mà đi vào động, nên phải dừng bước nhìn kỹ để tránh được bóng tối nó ám ảnh, (nên phải lưu ý việc khó này một chút), rồi chúng ta mới vào, đương nhiên phải bước xuống mây cấp xây gạch xưa và dừng lại để phóng tầm mắt trông xem toàn diện của động này, phải nói rằng tại Ngũ-Hành-Sơn gần có ba mươi thạch động, mà chỉ có động Huyền Không là đẹp nhất, cái đẹp này không phải đẹp lộng lẫy như ta tưởng. Mà cái đẹp có vẻ thiêng liêng huyền bí, cổ kính mầu nhiệm, khó mà tưởng tượng và mô tả. Cái đẹp của động Huyền-Không ở đây, nếu không có các đền miếu, thì nó càng tăng thêm cái vẻ mà người ta sẽ cho lạc vào Đào-Nguyên động, của ngũ Hành-Sơn. Đào-nguyên lạc lời ảo ảo huyền huyền, thật thật hư hư, thật là Huyền Không đúng với cái tên của nó không hư truyền. Động này



Huyền Không Động (11)



Đền và Tứ Thần Kim cương trong động Huyền Không (12)

hình tròn, chu vi độ 20 thước, trông lên cao trật ót (nghĩa là thông rỗng đèn chóp núi) Nghĩa là Huyền Không Động ở trọn trong lòng núi Huyền Không. (Núi Huyền Không đặc biệt là hình tròn, nên động cũng tròn, đứng trong động người ta phóng tầm mắt trong thầy thông thẳng lên vòm trời, đường thông qua núi chỉ tròn trịa trong khoảng lớn hơn hai cái nông. Động thì lớn đường thông lên ánh sáng thì nhỏ hẹp, nhìn động ta thấy một cách sáng sáng, mờ mờ. Toàn diện thạch động có nhiều hiện tượng kỳ lạ, nhất là trong thầy mặt da đá của toàn động nổi lên nhiều màu, và nhiều hình tượng của thạch động. Những màu : xanh đậm, xanh lơ, vàng đậm, vàng lơ, xen lẫn màu trắng, đỏ gạch, màu sắc và hình ảnh trông rất khó nhận định là màu gì hình gì; thật là Huyền ảo, ảo Huyền.

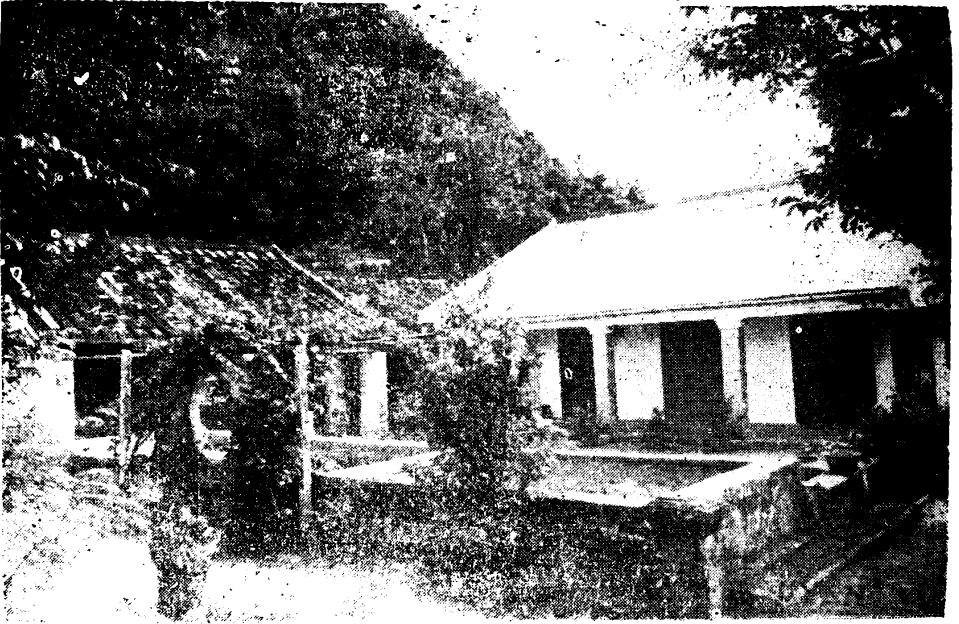
Người du khách trông lên cổ tích cho đó đủ màu không thể tính và cho đó đủ hình, không thể bàn. Đó là con voi, đó là con hạc, đó là con kim quy, đó là hình người thời thượng cổ, hoặc hình con công hay hình chim Đại-Bàng.

Nều những ai chưa đèn Ngũ Hành Sơn hoặc mới đèn ngoài cửa động Hoa nghiêm không có người hướng dẫn thời không biết trong núi non như thế, lại có những hiện tượng kỳ quan như thế, lại còn có đặc biệt hơn nữa là trong thạch động Huyền Không này còn có một nơi kỳ dị là động Thạch Nhũ (động vú). Người ta tương-truyền ở đây có hai mòm đá thông xuống tròn vo, từ khi có núi Ngũ hành là hai vú này đã thường nhỏ nước, khi khai thiên lập địa có Non-nước là có động Vú và thường nhỏ

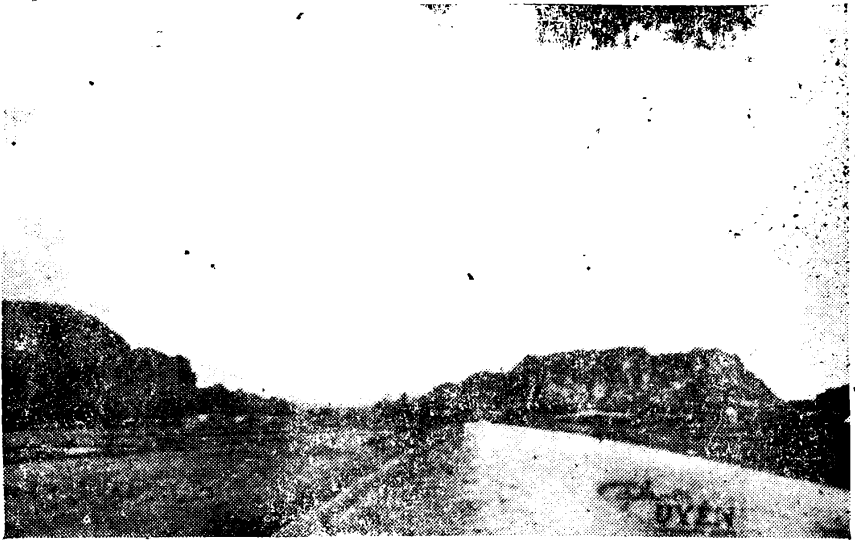
nước, người ta cũng đã lưu ý đến việc kỳ lạ này cũng chưa khám phá nước đó từ đâu, ở vách nào hoặc kẽ đá nào mà đến bây giờ tìm thấy tung tích theo chỗ chúng tôi quan sát thì, mùa nắng, với mùa mưa mà đồng thời theo tiết có những mùa có mưa có nước, có nhiều tháng ở miền Trung mưa liên miên tám tả, hai vú nhỏ nước gấp hơn, (nghĩa là nhỏ mau hơn, đến đây ta tìm hiểu một việc rất thần thoại đối với hai vú này. Người ta truyền rằng, trong thời kỳ vua Hoàng-Đề Thành Thái đến tại Ngũ Hành Sơn để làm lễ trai đàn cầu nguyện, . . . Lúc bấy giờ nhà vua đang tay rờ vào hai mòm thạch nhũ này, thời bắt đầu từ đó chỉ còn có một vú nhỏ nước mà thôi, còn vú bên phía đông, từ đó đến nay không còn nhỏ nước nữa. Du khách đến đây ai ai cũng có ý tò mò chuyện vú nước, người ta phải rọi đèn nhờ ánh sáng để được thấy một vú nhỏ nước, lâu lâu nhỏ một giọt nghe tí tọn; còn một vú không nhỏ mà xem có vẻ cằn cõi khô khan trơ trọi lắm. Giống như người chinh phụ ngâm thơ, mà nói không ra lời, tỏ ra như nổi tâm tư ân hận. Nói về linh địa, thì nơi nào cảnh thanh vắng u tịch, là nơi đó dấu hiệu thần bí, nhưng việc thạch nhũ nhỏ nước (có nghĩa là như vú sữa), ày những chuyện rất kỳ lạ, phải nhường cho những nhà siêu hình học giải quyết những hiện tượng kỳ lạ này.

Bây giờ thì không còn những dấu tích chi là xưa, chỗ nơi này người Chiêm-Thành (Hời) tề-tự cúng bái tôn thờ.

Động Huyền Không ở núi Ngũ Hành Sơn, nơi



Nhà Phương Trượng chùa Tam Thai (13)



Phía Nam Non Nước (49)

động có nhiều hiện tượng thiên nhiên đặc biệt, coi như một thắng cảnh cổ kính nhất, nên từ xưa đến nay đã không biết bao nhiêu nhà thi thơ cảm tác, cảm để nhất là tại Động này. Có nhiều bài thi cảm tác của các nhà Văn hào Việt-Nam, khắc chạm vào cổ tích Huyền Không, tuy là với thời gian phong rêu bao phủ mặt đá, nhưng du khách hãy nhìn thật kỹ chung quanh mặt đá đều có nhiều bài thi chữ Tàu, chữ Nôm và chữ Việt, người ta đã nhiều lần sơn đỏ lại cho rõ.

THẠCH-ĐỘNG LINH-NHAM

(Cũng có tên là Động Ngọc Hoàng).

Sau khi du khách rời Huyền Không động, đi ra khỏi cửa Động trước mặt hướng về Đông bắc, trên gần cụm núi cao đó tức là động Linh Nham. Muốn vào động này cũng từ sau Chùa Tam Thai thẳng ra, không như vào động Huyền Không, vì đường lên Động Ngọc Hoàng góc ngách quanh co khó đi. Động Linh Nham này quay mặt về hướng Tây, động này sơ sài, nhưng khi du khách đặt chân đến có cảm giác thây đẹp hơn nhờ đơn giản. Động này có nhiều khía đá, lối, lõm. Trước cửa động có hiện, lên một hòn áng non bộ nhỏ. Công dụng của Động này là thờ Ngọc Hoàng, hiện người ta gọi là động Ngọc-Hoàng. Viếng xong Động này, bây giờ chúng ta mới rời khỏi cửa động, đi xuống qua động khác.

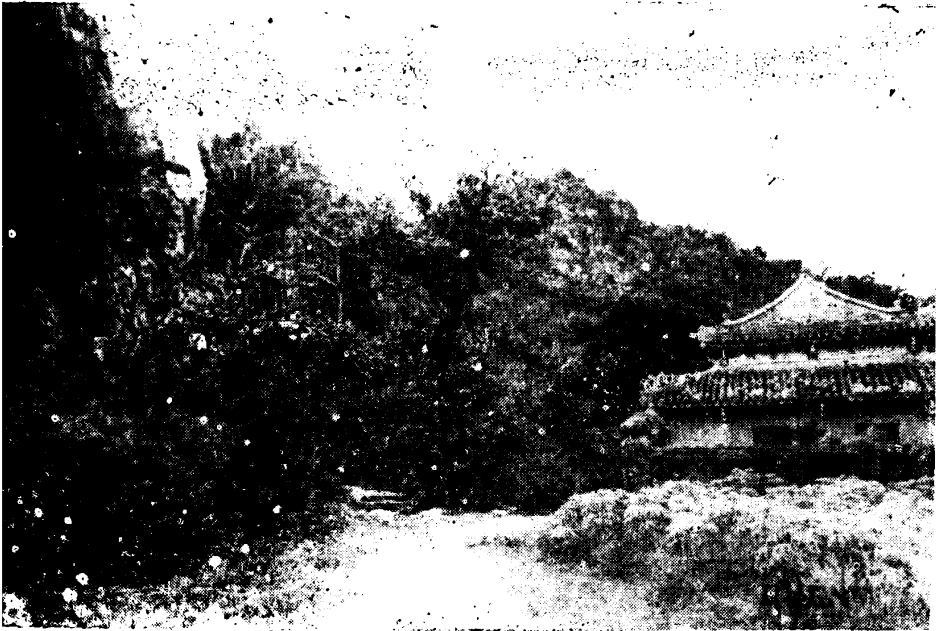
VÂN THÔNG THẠCH ĐỘNG.

Sau khi rời động Linh Nham, du khách tiến về ngã cửa Hậu, đến đây đoàn người du lịch có cảm giác lạ,

thường là nghe như đoàn du ngoạn đã tạc vào cảnh Thiên Thai. Sau khi đi qua cửa hậu chùa Tam-Thai chúng ta coi như đã lọt vào thành lũy chồn chở, từ phía cao vút bao phủ từng mây, mọi người có cảm giác là lạ, du khách dừng chân để nhìn cảnh núi non sơn kỳ. Tuy nhiên nhà thi thơ coi như là đã lọt vào lối Thiên Thai.

Bây giờ mọi người đều tiếng lên động Vân Thông cảnh Thủy Sơn Non Nước, động Vân Thông, cũng là Thạch Động kỳ thú, nghe đồn tên đã ý thức động này, hình tượng của cổ tích rồi, ý vân là mây trời thông là thông suốt là thẳng đèo trên mây trời. Cái khó của du

khách vào động Huyền Không còn ít hơn là vào động Vân Thông. Bên cái khó của chặp bước bên kia là bước đi xuống . . . rồi u u, còn cái khó của động này là đi lên có cấp tức là khó đi từ con đường quanh co của cảnh thiên thai, đèo rẽ vào động Vân Thông cũng làm du khách mỗi mệt, bởi vì đi ngược lên. Trước động là Lư trăm to lớn, để vọng thờ, động này hình thể nhỏ hẹp, mình tròn tròn, ta bước vào độ 3 thước thầy tôi mệt mủ và nơi trung tâm của động là thờ Đức Phật đứng rất lớn. Sau lưng đức Phật là đường đi lên phía Vân-Thông. Từ khoảng động đèo động ánh sáng, khoảng đường này rất khó lên, nghĩa là du khách phải thêm một phen mệt mỗi là phải leo trèo, thân hình phải khum khum mà bò từng bước mà lại té ra run run sợ sợ, vì lo nổi nhào ngược vọng lại hoặc té xuống. Chúng ta đã qua được cái khó này, tưởng đi tìm cái gì cho đáng công, như người xưa đi hái



cửa hậu Tam Thai qua chùa Linh Ứng (15)



Trung Tâm Thủy Sơn (17)

đào tiên, thôi thì cũng được phần an ủi cái nổi mệt, nhưng đèn động chỉ thầy trên đỉnh cao trông không, hình tròn tròn bằng hai chiếc nong thông thiên, thường thường soi chiếu ánh sáng vào động như những đạo hào quang khổng lồ, soi vào trần gian, du khách lại ở trọn vào trong giữa lòng núi Thanh Sơn, chung quanh tối tăm rùng rợn đèn đây lại thầy được ánh sáng có cảm giác vui thú lạ lùng, nghĩ ngợi như thề chúng ta cũng khái niệm được hai chữ Vân Thông nghĩa là giữa lòng núi sâu thẳm mà có ánh sáng mặt trời soi chiếu, thật là cảnh bất tư nghị. Tuy trải qua sự khó khăn và hải sợ mà đã thỏa chí du khách du lịch mạo hiểm đã đạt được chí nguyện chỉ chưa được đăng vân giá võ lên trời mà thôi.

Động Vân Thông cũng là một thạch động hữu danh của núi Thủy sơn, tại Ngũ-Hành-Sơn (non nước) là một nơi du khách đã từng quen thuộc sau khi xem động Vân-Thông. Bây giờ chúng ta rời bước để đèn ái Vân căn Nguyệt Quật và Thiên-Long cốc, đã mệt mỏi cả người, chân đã chồn bước, nhưng đèn đây thì mọi người thầy hưởng một bầu không khí mát mẽ lạ lùng. Vân-Căn Nguyệt-Quật là nơi núi cao thẳm luồng gió bẻ ở ngoài khơi sóng gọi thổi vào nghe vi vút quanh năm gió mát, cùng tháng trăng thanh. Tuy lên cao mà không bị ánh nắng làm khó chịu, tất cả du khách về thăm viếng non nước thời nơi đây là chỗ thừa lương duy nhất. Vì thề cho nên ở đây chỉ

có các tảng đá, chỉ có các tảng đá mà người ta ngồi nghỉ chân hóng mát trở thành mòn lán, hơn thề nữa, những người địa phương đem nước ngọt đền đây họ bán, để du khách giải khát. Nhiều bóng mát che chở của những ngọn núi cao chót vót, gió bẻ thổi vi vu dịu dàng, lại bên sườn núi sẵn có các thôn nữ đang chờ đợi những dịp tiếp khách bán quà, thật là một hồi thú vị làm sao và như thề cũng đã thỏa chí đặng sơn.

Kề bên là Thiên Long cốc (hang rỗng trời), đây cũng là một động Thiên Long; mà người ta thường gọi là hang rỗng, (thiên là trời, long là rồng), cốc là hang, nguy hiểm lắm, dừng tại đây mà xem xuống thây sâu, hang sâu thăm thẳm, nếu không cẩn thận sẽ trượt chân rất nguy hiểm, vì trên miệng Thiên Long cốc có nhiều đá lồi chồm, nên khi du khách dòm xuống có cảm giác sờ sợ; miệng hang tròn tựa đá hiện lồi chồm ha há, to lớn lối ra, giồng như miệng con rồng đón mừng du khách, thường túc trực với tuề nguyệt. Ở đây cũng thật là kỳ thú, cảnh trí có những đặc điểm của cửa ải thông qua đường Linh ứng. (Vân Căn là gốc mây, nguyệt quật là hang trắng) nghĩa là ngụ ý cho trăng núp trong gốc mây, là nơi cội gốc của mây trắng, nên gọi là Vân Căn nguyệt quật. Rỗng thường chầu qui du khách quốc nội quốc ngoại, nên gọi là Hàm rỗng. Thiên long cốc và Vân căn Nguyệt Quật là hai danh từ của Hoàng Đề thi thơ Minh Mạng đã đặt tên, đã có rỗng chầu, đã gặp hóng mát, đã nghe gió thoảng của trời bẻ thổi đền làm cho chúng ta khỏe trong người



Động Vân Thông (16)

như hệt cơn mệt mỏi.

Bây giờ chúng ta lần bước qua chùa Linh Ứng, đền động Tàng-Chơn và Vọng Hải Đài, trên núi Thủy Sơn (Ngũ-Hành-Sơn) có hai nơi chính là Chùa Tam-Thai và Động Huyền Không phần chính thứ hai là chùa Linh Ứng với động Tàng Chơn, thật là :

*Bầu trời cảnh Phật
Thú Danh Sơn ao ước bấy lâu nay
Kìa non non nước nước, mây mây
Đệ nhất động hỏi rằng đây có phải
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lừng lờ khe yển cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách thương hải gặt mình trong giấc mộng*

(Trích - Chu - Mạnh - Trinh)

Lên chùa Tam-Thai và động Huyền Không như du khách đã lạc vào Thiên Thai và Đào nguyên, đền bên chùa Linh Ứng, động Tàng Chơn lại có đặc sắc là sắc thái khác hẳn, cũng núi non ấy, cũng cổ tích thạch động như vậy, nhưng hai bên có hai cảnh khác nhau, bên kia là núi sống, bên nay núi biển, mới có danh từ Vọng giang Đài và Vọng hải đài, thật ra, nếu như xem về danh thắng đền chùa Linh Ứng thấy biển rộng trời cao, núi non chờn-chờ, đền đây mới thấy rõ ý nghĩa non nước, cho nên người ta đã vịnh tác ngư phủ, gác cần ngư mặt nước, tiểu phụ chông búa dựa lưng cây nhĩn

xem phong cảnh tra lòng khách và có bài cảm tác : Thừa phong nhận tự khinh khinh phần, Trục lãng ngư thuyền khoản khoản qua. Chim nhận thừa theo gió bay bay từng đàn và ngư Ông trên thuyền về chiếu sóng đưa vào gành. Tuy đường cấp quanh co khó khăn, nhưng trước mặt du khách phóng tầm mắt thời thấy biển rộng, mây xanh, non cao nước biếc, bây giờ đã đền chùa Linh Ứng. Chúng ta tiến vào thăm viếng động Tàng Chơn, động Tàng Chơn ở sau chùa, trước khi muốn vào đại nội cửa động, thời chúng ta phải đi qua hai cửa Tàng Chơn môn bằng đá, tự nhiên nên nói là Thạch động cổ tích, thấy động nào cũng thề nhưng mỗi động có đặc tính khác nhau, nghe danh từ người ta cũng đã hiểu ngay ý nghĩa mà người xưa đã đặt cho nó cái tên nghe cổ kính, kín đáo mầu nhiệm, Tàng Chơn là ngụ ý chứa đựng tất cả thiên nhiên, chơn thật của vũ trụ, con người như là chứa tàng trữ kho tàng chơn lý chơn thật nên gọi là Tàng Chơn, Động này khó diễn tả vì hình thể không phải một, vào đền động người ta thấy một thung lũng chiều dài 10 thước, chiều ngang 07 thước, hình chữ nhật, hoàn toàn có ánh sáng mặt trời đầy đủ, rồi lên một tầng đá tứ phía được đá trướng bao phủ, xem như được vào trong nhà, Thạch động Tàng chơn có đặc biệt là : Tàng Chơn là tên của một động chính, ngoài ra còn có 5 động nhỏ là động Tam Thanh, động Hang gió, động Chiêm Thành (Hời), động Bàn cờ, và động Hang Ráy.

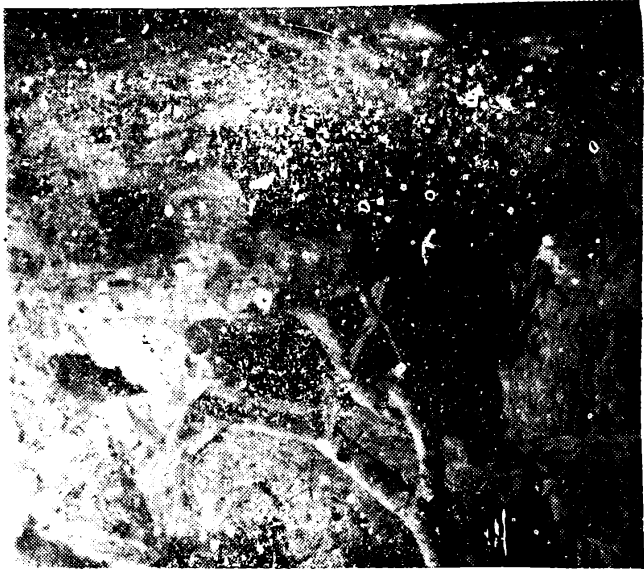
Động Tam Thanh tưởng như ngày xưa người



Vân Căn Nguyệt Quật (18)

ta thờ tự ở đây về thần giáo, là thượng thanh, trung thanh và hạ thanh, (bây giờ không còn thờ nữa, vì thờ cho nên gọi là tam thanh, hình thể động Tam Thanh nó dài dài tròn tròn có thể đi vào sâu xa, im tòi, kẻ động Tam Thanh qua khoảng cửa đá, là động hang gió, đèn đây người ta có bước lên độ 10 từng cấp và quẹo lại đang mệt mỏi, là nghe những luồng gió vi vu, thổi đèn để đón chào du khách và tiếp đãi mọi người bằng một tiệc mát diệu: đứng dừng lại và thưởng thức sự khỏe khoắn của luồng gió thổi. Người ta thắc mắc luồng gió ày từ đâu. Nó từ trên miệng hang Thiên Long cốc thổi xuống và đương nhiên đèn gió mùa thời đây là luồng gió nam của gió mùa Quãng Nam, luồng gió mát trước cửa hang hơi mạo hiểm, xem chỉ thấy mặt hình thể đất tròn và có ánh sáng soi từ trên hang rỗng rọi xuống, ngoài ra theo đường hang gió là hình bán nguyệt, trông lên có tích ở đây là một da đá rất kỳ dị rất đủ màu sắc, các nhà khảo cổ tiên-đoán da đá này qua 7 thế kỷ nữa là sẽ trở thành ngọc thạch, nghe tên và như chúng tôi diễn tả quý vị đã ý-thức được ý nghĩa của động rới. Sau khi rời khỏi động hang gió, phải trở về Tam Thanh xuống cấp để tiến về phía động hang Hời. Động này xưa người ta thờ kỹ niệm người Chăm, nên gọi là động Hời, động này hình thể bán nguyệt sâu và dài trên có tích da đá, động này lại thấy nó hiện ra toàn là xanh và thâm thâm như bánh dày gói giầy đời nay. Cửa động người ta trang trí những hình tượng bằng đá theo phong tục Chiêm Thành, thờ giống như mây nơi

bảo tàng viện và hình tượng này như các vị thần gác cửa, lẽ tất nhiên vùng đất nầy trước xưa là của người Chiêm Thành (người Hời) ở. Bây giờ người ta kỷ niệm gọi là động hang Hời (động Chiêm Thành) rời khỏi động và tiến bước qua động hang Ráy, du khách phải lên mây cấp xây. Đương nhiên thầy động này cũng rất đẹp. Hình thể của cổ tích cảm thạch bao phủ, ngó xem trật ót, hình tròn như vào trong một đén cao vót. Màu đá cũng hiện đủ ngũ sắc, rất là cổ kính, động này thông ra ngoài trời. ở ngoài động có loại cây ráy xanh xanh, mọc rất nhiều, nên người ta gọi là động Hang Ráy. Sau khi rời động hang Ráy chúng ta vòng qua động Bàn-Cờ, đây chưa phải là động, nhưng theo sự tuyên truyền, thời ở núi này tục truyền trên đỉnh núi, các vị tiên hay xuống đây đánh cờ, cũng không biết là đánh cờ gì? Mà Tiên là ai? Hay là bác Tiên như Lý thúc Quày, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, người ta cũng không thể biết được, nhưng mà ở phàm trần sao lại có Tiên đên. Bây giờ không còn nữa, trải qua với tuê nguyệt lâu đời, lại bị theo vết thặng trầm của thê sự, của thời gian vận hội của nước nhà, sự tuyên truyền huyền thoại nầy không còn nữa. Nghe nói nơi đây chư Tiên thường xuống đánh cờ, nên bây giờ đường lên đỉnh núi hiểm trở không đi được, người ta lập đây một tầng đá vuông vức giống như bàn đánh cờ tướng, ngoài bàn cờ chính, người ta có đặt thêm vào các tầng đá tròn chung quanh, làm đôn ngời, như thê biểu hiệu cho bàn cờ Tiên tại núi Ngũ-Hành. Như vậy, chúng ta đã xem tất cả



Thiên Long cốc (19)



Trung Tâm núi Thủy Sơn(20)

các động tại Tàng Chơn.

Bây giờ chúng ta rời bước khỏi cửa động, tiến lên động Ngũ-Cốc, du khách phải đi sau các dãy nhà rồi lên cấp, đèn trước nhà « thiển » (nhà bác cổ) đi thẳng vào khe núi, đường lên động nầy cũng khó khăn như đèn động Vân Thông, phải nương theo các cây trong núi và các bậc đá lán lán mới lên đèn động. Tuy nói là động, nhưng chỉ có một hang nhỏ hẹp, sâu thẳm mà thôi. Như chúng tôi đã trình bày, mỗi động có đặc tính khác nhau. Tại sao gọi là động Ngũ-Cốc? Ngũ là năm, Cốc là lúa, nghĩa là năm thứ lúa. Sao động nầy lại có năm thứ lúa? Và năm thứ lúa là lúa gì? (Theo danh từ Nho-học) Một đạo, hai lương, ba mạch, bốn thứ, năm tấc. (Năm thứ lúa đạo lương mạch thứ tấc.) Nhưng đây có thật là lúa không? Động Ngũ-Cốc là người ta căn-cứ vào hiện tượng đá mọc lộ ra tỏ rõ, giống như dây lổng lổng đèn, như trái Phật-thủ, như búp cải bông, hiện ra trong thạch-nhũ giống như mè, như đậu, như bắp rang nổ, giống như các thứ khoai choái, khoai mài, khoai tròn dài, mỗi loại khác nhau. Vì vậy mà người ta gọi là động Ngũ-Cốc, chứ không có năm thứ lúa thật ở tại đây.

Đền đây thầy những hiện tượng như thề, làm cho những người đèn thăm viếng có cảm tưởng lạ-lùng, sau khi rời núi non trong ký-ức, còn ghi rằng trong trời đất vũ-trụ thiên-nhiên, có rất nhiều hiện-tượng kỳ-quan cảm-tú. Những hiện tượng ấy là găm vóc của quê-hương.

¶

Sau khi viếng xem động Ngũ-Cốc, du-khách có thể



rảo bước đèn cửa tam quan chùa Linh-Ứng, để ngắm trời bể, đây là cảnh thích-thú của du-khách, khi đèn Ngũ-Hành-Sơn, vì đã trải qua những bước dài mỗi mệp. Vừa đi chậm chậm vừa ghi nhớ lại, từ lúc leo lên các đường cấp vào xem các cổ tích, thạch-động, thạch-nhũ, của toàn cảnh Thủy-Sơn. Giờ đây rời khỏi Thủy-Sơn, du khách ngồi nghỉ ngơi tại tam-quan, trước chùa Linh-Ứng giây lát, liền cảm thầy khỏe khoắn, rổi lẩn lẩn xuống núi, đi theo phía đường cấp bên chùa Linh-Ứng, để đèn động Âm-Phủ.

ĐỘNG ÂM PHỦ

Đây cũng là một hiện tượng như các động khác, nhưng có đặc tính khác biệt hơn, nên người ta để danh từ là Âm-Phủ-Động. Hình thể động này ở dưới chân núi và bên hữu chùa Linh-Ứng, động cao rộng hình tròn, sâu thẳm đi vào trong và theo ngạch đá đi xuống. Từ xưa, tương truyền rằng nhiều khi người ta mạo hiểm đã dùng đèn đuốc đi cho đèn chỗ đèn nơi, nhưng đi mãi chỉ rớt cuộc là đèn tắt, gió thổi vùn vụt không còn ánh sáng, không thể nào đi xuống được nữa. Những hang đá hiện ra ngóc ngạch hiểm trở như thề, nên người ta đặt cho một danh từ đặc biệt với cái sự tưởng tượng ảo huyền huyền-ảo, như đi xuống Âm Phủ. Họ tưởng tượng là sẽ gặp Thập Điện Diêm Vương và mục kích được mười cửa Địa Ngục. Ở đó các ả ngục tội nhơn bị giam giữ, bởi tội lỗi đã làm, hoặc người ta có dịp thầy các ông Thiên Tào, Phán Quan họp đồng với Diêm-Vương, đương xử tội nhơn, vì các tội nhơn này khi ở trên dương thề làm điều hung ác. Nghe nói đèn Âm Phủ



Đường ra Vọng Hải Đài (21)



Toàn cảnh chùa Linh Ứng (22)

người ta đã thấy rợn rợn và bị sức tưởng tượng ám ảnh trong người, vì có những truyền tụng như thề nên đặt tên là động Âm Phủ.

Đền viếng Ngũ-Hành-Sơn mà chưa được đền động Âm Phủ thời trong cuộc du ngoạn như thề coi như còn thiếu một cái gì. Bây giờ du khách rời Thủy Sơn đền Kim Sơn.

KIM SƠN

Núi Kim Sơn, cụm núi nầy khác hẳn với Thủy Sơn, núi nầy nhỏ hơn, hình tượng tròn và ít có hang động, chỉ có 2 động là : Kim Sơn và Thiên-Trù, động Kim Sơn; do một vị sư mới tìm được, sau ngày chiến tranh Pháp Việt (1950) động này cũng còn gọi là động Quan-Âm. Người ta chỉ đục thâu vào núi một thước, thông đèn thung lũng, miệng hang tròn vo, cặp đi xuống vào động, không có thông hơi và ánh sáng, nên tối mịt-mò. Động tuy nhỏ nhưng có nhiều kỳ quan, đi theo miệng hang hình tròn, vào độ ba thước, trong động này thung lũng trông không, như bằng hai gian nhà. Từ ngoài đi vào là tượng hình đức Quan Âm trông lên cổ tích, hiện thầy Ngài đang cầm nhành dương và bình Cam-Lồ sai tẩy ô uế của trần gian, phía trong tượng Quan-Âm là đại-hống-chung bằng đá, đánh nhỏ kêu cũng như lớn, vào ở giữa có tròng đá đánh nghe thùng thùng, rồi ngược lên thầy chim Bạch-Hạc, Không-Tước to lớn đang nhíp cánh bay, trong đá có nhiều hiện tượng thật là ngoạn mục. Vì thề động nầy người ta đặt là động Quan-Âm. Tiếc rằng trong động thiếu ánh sáng.

Bây giờ chúng ta mới đền viếng chùa Quán-Thê-Âm. Chùa nầy do Thượng-Tọa Pháp-Nhân đứng ra khai sơn,

xây cất sau khi tìm được động Quan-Âm.

NÚI HÒA SƠN

Trong Hòa-Sơn có dương Hòa-Sơn và âm Hòa Sơn ở gần núi Kim Sơn núi này có một động là động Huyền Vi cũng có tên là động Di-Đà, động này cũng mới tìm được vào khoảng 1953. Người ta đã mạo hiểm lên chót núi thòng dây xuống và dùng ánh sáng quan sát. Sau đó họ đục núi thật dày độ 3 thước mới đến trung tâm của động này, thung lũng có nhiều hang ngách có chỗ thông hơi, có ánh sáng chiếu vào, du khách vào thấy trong người có cảm giác rờn rợn là vì đi vào động khi tối mò, khi sáng tỏ, sáng tối ảo huyền như thế; động này cũng có dấu đặc biệt là trong cổ tích có hiện ra hình tượng Phật và Thánh, giồng như một nơi thờ tự. Tượng đức Phật A Di Đà, cùng đức Hộ-Pháp và Tứ Thiên Vương coi oai vệ lắm. Tượng Đức Hộ Pháp và Tứ Thiên Vương phải nhờ ánh đèn mới thấy rõ. Vì thế sau khi khánh thành động, có đặt bàn thờ. Từ đó mới có danh từ là động Di Đà hay Huyền Vi Động. Từ khi tìm ra thêm các động này, tin tức đồn khắp và du khách đi chùa Non Nước, họ đến động Di Đà và núi Quan-Âm (Kim-Sơn), còn tập nập hơn trước bội phần.

Ngoài những động chính, ở các núi Thủy-sơn. Kim Sơn và Hòa Sơn ra, các núi khác cũng có hang động, như núi Âm Hòa Sơn, có động Ông Chài, tương tự cũng như thế, sau này có những Ni-cô đến lập Am Cốc tu hành tại động Âm Hòa Sơn



Miêu trong Tầng Chôn Động (23)



Động Bàn cờ (28)

VỌNG - HẢI - ĐÀI, VỌNG - GIANG - ĐÀI

Vọng Hải Đài là đài cảnh để trông ra biển,
Vọng Giang Đài là đài cảnh để trông ra sông.

*Biển lām danh sơn nhật dĩ tà
Hải đài ý vọng hải dương ba*

Tạm dịch :

*Trông khắp danh sơn lúc xế tà
Hải đài tựa ngắm sóng khơi xa*

Tùy theo cảnh trí Non-Nước mà người ta tạo ra các đài này. Vọng Giang Đài tại bên chùa Tam-Thai. Vọng Hải Đài tại bên chùa Linh Ứng. Người ta dùng đá Trà kiệu (không phải đá Non Nước), chiều rộng một thước, chiều dài hai thước, xem rất cổ kính lắm. Trong lòng bia đá người ta khắc ba chữ Tàu « Vọng Hải Đài » và các hàng chữ « Minh Mạng thập bát niên thất nguyệt cát nhật ». Nghĩa là dựng đài vua Minh Mạng năm thứ 18, tháng bảy, ngày tốt. Dưới bia người ta đặt một tấm đá làm đề. Vọng-Hải-Đài toàn cảnh độ 10 thước hình tròn, công dụng là người ta đặt chỗ cao nhất để tiện bề du khách trông ra bể trợn vẹn bao la:

*Đặng cao phương thức thủy vân đa
Tịch xử yên tri thiên địa quảng.*

Tạm dịch :

*Quả có lên cao mới thấy nước mây
Ở thấp đâu biết trời đất rộng.*

Du khách đến Non Nước gặp về ban chiều, ở Hải Đài mới thấy thú vị của giang sơn nước Việt

Vọng Giang Đài lại trông về sông, vị trí cũng hình tròn, bia đá cũng vậy thước tắc cũng thế. Ghi ba chữ lớn là « Vọng Giang Đài » trong lòng bia cũng khắc « Minh Mạng thập bát niên thất nguyệt cát nhật ». Chắc người ta tạo dựng hai vọng đài cùng chung một lúc. Bên Hải Đài là trông ra thầy cảnh trời bề mênh mông, còn bên Giang Đài thì trông ra thầy sông nước uốn dòng, cảnh trí bình nguyên, làng xóm quê hương bao la nhiều lũy tre xanh xanh, đất đai chồn chở; phóng tầm mắt thầy bao quanh núi Hải Vân Sơn, Tiên Chà Sơn và dãy Trường Sơn núi Chúa Bà Nà. Với quanh co của con sông Trường Giang phát nguyên từ cao sơn đèo Hải khẩu Đà Nẵng, đó là hai cảnh thú vị trông thầy trời biển mây nước và đất đai làng mạc thị thành, sông ngòi, của Vọng Hải Đài và Vọng Giang Đài vậy.

Vịnh cảnh Ngũ-Hành-Sơn Non Nước

Hay là Ông Lý không lẽ xây.

Mới có non non nước nước này.

Ngó lại ngó qua năm cụm núi.

Tu lên tu xuống mấy Ông thầy.

Lên đài Vọng Hải trông xa tí.

Vào động Huyền Không thấy trống quày.

Lếu lếu ngâm đưa đôi chén rượu.

Cõi trần âu cũng có tiên đây.

Đại ý trong bài cảm tác, thợ trời đắp xây nên vẻ đẹp của Non Nước, và cảnh tu hành của tu sĩ Non Nước.

Trộn vụn Vọng Hải Đài và động Huyền Không, thêm cảnh Phật lại có cảnh Tiên, ở giữa chồn trần gian mà thoát tục vậy.



Động Tam Thanh và đường lên
hang gió (24)

ĐƯỜNG LÊN TRỜI

Có đường xuống Âm Phủ, tất nhiên phải có đường lên trời. Du khách đã đến Non Nước, ai ai sau khi ra về cũng ghi các huyền thoại, một ý nghĩ là có đường lên trời, có đường đền Âm Phủ. Đường lên trời mà chúng tôi xin gọi lại quý vị, là khi chúng ta đã đền động Vân Thông, khoảng giữa lòng động có ánh sáng chiếu, từ đó đi thẳng lên là đường lên trời, trong lòng núi với một con đường gỗ ghề quanh co ước chừng 300 thước, bò bò đi lên và lên mãi như thềm khỏi núi và chỉ gặp ánh sáng vô tận và chót núi cao vụt vụt; khi nghe đi lên trời người ta tưởng tượng nếu du khách mạo hiểm chèo dây mình sẽ gặp Ngọc-Hoàng Thượng Đế tại Thiên đình (cũng ví như chèo dây về châu trời của các Táo Quân cuối năm). Họ sẽ mục kích được cảnh chín bệ triều đình ở thiên cung. Kể ra họ đã hy sinh một thời-gian quý báu không kể việc mệt nhọc rớt cuộc rồi cũng thấy trời bé bao la, nhất là giới thanh niên hứng thú việc mạo hiểm lên núi, vì thế nên tuy là núi đá chồm chồm mà thành đường mòn, đó là đường lên trời.

GIÈNG TIÊN

Mới nghe qua người ta có cảm nghĩ nơi này Tiên thường đến để uống nước, cũng như Tiên thường đến đánh cờ trên đỉnh núi. Giếng Tiên vị trí ở tại dưới khe suối, trước cửa tam quan chùa Linh Ứng. Nói đến giếng thì người ta nghĩ đến nước nhưng sự thật ở đây chỉ có mùa mưa mới có nước, đến mùa hạ nắng là hết nước không phải như vú nước tại động Huyền không có nước nhỏ thường; như thế giếng Tiên chỉ có

mây thảng có nước mà thôi. Ở đây không có gì đặc biệt và đường lối đi đền cũng hiểm trở nên ít có việc truyền tụng giềng Tiên nên ít ai biết.

CHÙA ĐỀN

CHÙA TAM THAI VÀ CÁC TỐ SƯ

Nói đền Ngũ-Hành-Sơn (Non-nước) là một danh lam thắng cảnh và cũng là di tích lịch-sử Phật-Giáo tỉnh nhà, từ ngàn xưa Phật-giáo đã có mặt ở nơi đây. Thời kỳ Hậu-Lê có Ngài Sa-Môn Minh-Phước-Quảng, tu khổ hạnh tại trong động Hoa-Nghiêm, kê đền Ngài Sa-Môn Từ-Tâm lập chùa Thái-Bình và chùa Từ-Tâm được nguy nga đồ sộ, truyền bá giáo lý Phật Đà rộng rãi, mãi đền thời kỳ nhà Nguyễn-Ánh và nhà Tây-Sơn nổi dậy đột phá chùa chiền.

Khi đó lại có Ngài Huệ Đạo Minh thiền sư tu Thiền tại động Huyền-Không, lúc đó vua Gia-Long lánh nạn tại đây gặp Ngài Thiền-sư Huệ Đạo Minh giảng đạo. Vua Gia-Long nghe giảng xong, vua phát nguyện: «Sau này tôi phục quốc xong tôi sẽ tô điểm thêm danh lam thắng cảnh này cho được huy hoàng tráng lệ. Sau một thời gian vua Gia-Long phục quốc bị bận công việc triều chính, nên chưa thực hiện lời nguyện nên nhà vua di chúc lại cho con, là vua Minh Mạng để hoàn thành đại nguyện mãi đền năm thứ sáu vua Minh Mạng mới ngự đền Ngũ-Hành-Sơn (Non nước) ngự chè chùa Tam Thai chùa Linh Ứng danh xưng là Quốc-Tự và cho thiết lập Hoàng Cung để mỗi khi vua ngự đền có chỗ tạm nghỉ. Nhà vua cũng tô tượng, đúc chuông, xây cất, khai các



Động hang gió (25)

cửa động; như Huyền Không Động, Hoa Nghiêm Động, Vân Thông Động, Linh Nham Động, Ngọc Hoàng Động, Tàng Chơn Động, Thiên Long Cốc, Âm Phủ Nguyệt, Vọng Hải Đài, Vọng Giang Đài . . .

Đồng thời cấp lương cho quý vị Trụ trì và Tăng chúng hai chùa (Tam Thai, Linh Ứng) lúc bấy giờ tại chùa Tam Thai có người em gái của nhà vua xuất gia và thọ giới với Ngài Tổ chùa Tam Thai hiệu là Viên Trinh, nhà vua triệu hồi về lấy chồng, nhưng Công Chúa không chịu về và làm bài thơ gửi về cho vua Minh Mạng :

*Thế sự nhìn xem rồi cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngắm lại càng như.
Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm,
Gở vỡ trần tâm tiếng mõ trưa.
Chu Tử ngán mùi nên giải Ấn,
Đình chung lọng động hóa chay dưa
Lên đàng cứu khổ toan quay lại
Bề ái trông ra nước đục lờ.*

Sau thời gian Công chúa theo mẹ là bà (Đoàn Quý Phi). Lập am tại núi Diêm - Sơn, thuộc quận Duy Xuyên Quảng Nam, sau Vua Tự Đức sắc kiên Vinh An - Tự và cho xây Lăng Vinh - Viên - Lăng và có cứ Trụ - Trì ở đây.

Kể từ đó đến nay, kể tiếp là 14 đời Trụ - Trì, như Ngài Hòa Thượng Huệ - Quang, Hòa Thượng Hoảng - Ân, Hòa Thượng Mật - Hạnh, Hòa Thượng Chí - Thành - Tiếp đến đời vua Thành Thái Sắc - Tứ Tăng - Cang cho quý Ngài Hòa - Thượng Từ - Trí; Từ Nhẫn, Hòa - Thượng Phước Điền, Hòa Thượng Phước Trí, Tăng - Cang Thiện Trung, Tăng Cang Thiện - Quả Tiếp đến Ngài Trụ - trì Phước

Thông, Trụ Trì Tôn - Bảo, Trụ Trì Huệ Tràng, hiện nay Trụ Trì Thích - Trí - Giác.

Gần đây có Đại - Đức Thích Pháp Nhân tìm ra động Quan - Thê - Âm tại núi Kim - Sơn và thiết lập chùa Quan - Thê - Âm và Thích Trí Giác, Thích Hương Sơn tìm được động Huyền Vi và đứng ra xin phép Giáo Hội khai động tại núi Dương Hòa Sơn thuộc Ngũ - Hành Sơn (Non Nước).

TRỤ TRÌ CHÙA TAM - THAI

THÍCH - TRÍ - GIÁC

CUNG LỤC

CHÙA LINH ỨNG

1/ — Tiểu - dẫn :

a) — Vị - trí :

Chùa Linh Ứng tọa lạc tại núi Ngũ-Hành-Sơn, Quảng Nam, khoảng giữa Đà-Nẵng và Hội An, giữa trời bé bao la đột nhiên mọc lên năm ngọn núi Kim - Sơn, Mộc-Sơn, Thủy Sơn, Hòa-Sơn, và Thổ Sơn. Bên bờ biển Nam Hải, những bãi cát trắng mênh mông hòa với cánh trí của tạo vật bời sông Trường Giang ồng ềo quanh co phát nguyên từ Cao Sơn và cửa bể Đà-Nẵng, nên lịch sử đã cho kỳ quan của Vọng Giang Đài và Vọng Hải Đài (biên lãm Hành Sơn, Hải Đài ý vọng) cũng như các quốc tự khác. Quốc Tự Linh Ứng xây dựng tại thắng cảnh Thủy Sơn. Mặt tiền của chùa hướng về phương đông, trông ra phía trước



Động hang hời (26)

là mặt biển Đại Thanh; bên hữu là Vọng Hải Đài, bên tả là động Ngũ Cốc. Mặt sau lưng chùa là đại-động Tàng Chơn. Chung quanh vị trí thuộc khu chùa, rước là cửa tam quan, hai bên nhà tổ, nhà giảng đường, nhà khách, nhà thiền và nhà trụ, (nhà bếp). Khi người ta bước vào tam quan, phóng tầm mắt thầy từ Bắc sang Nam một dãy chùa đến nguy nga và được các ngọn núi Thủy Sơn chờn chờ chung quanh bao phủ kín mít, xem ra rất hùng vĩ.

CẢM Ề

*Như thêu như dệt cảnh thần tình
Linh Ứng chùa này lắm vẻ xinh
Vọng Hải Đài kia gương vĩ đại
Vân Nham động nọ dấu uy linh
Thành cao cảnh tượng hờn non nước
Mầu nhiệm lam tuyến tiếng kệ kinh
Đầu đó xa gần đều hướng vọng
Ánh vàng lan tỏa khắp quần sinh.*

(29-09-55 Ất Mùi, THÍCH - THIÊN - TRÍ Huế)

b) — Khai nguyên :

Cũng như các ngôi chùa khác xây dựng trên đất nước Việt-Nam, đặc biệt ngôi chùa Linh Ứng được xây cất trên núi Ngũ-Hành-Sơn danh thắng của lịch sử Việt Nam.

Có thể kê cứu đại lược:

Trong đời nhà - Lê niên hiệu Cảnh Hưng có một vị ẩn sĩ dền tu tại động Tàng Chơn, sau thời gian Ngài xây cất một am tranh để hiệu là «Dưỡng Chơn Am»

do sự viên bộ của việc tu hành, sau đó một thời gian Ngài tự đã xây cất một nhà bằng tranh lá, tại trước động Tàng chơn để hiệu là Dưỡng - Chơn - Đường. Với thời gian núi non tu niệm, bây giờ xảy ra việc tranh chấp nhà Nguyễn với nhà Tây Sơn đánh nhau, lúc bấy giờ Nguyễn Phúc Ánh đèn Ngũ Hành trông thấy cảnh trí kỳ quan hùng vĩ, sơn kỳ thủy tú, vì thế khi Gia Long phục quốc bèn ra lệnh lập chùa tại Ngũ - Hành - Sơn Quảng - Nam, bây giờ là Dưỡng chơn Đường được thiết lập hiệu là Ngự - Chê - Ứng - Chơn - Tự.

c) — Dẫn tiên:

Cũng như núi Hà Tiên Nam Việt, sau khi vua Gia Long phục quốc, tất cả danh lam thắng cảnh trong nước đều phụ họa tô điểm qua bởi tôn giáo đến chùa như Phật Giáo và Thần Giáo. Người ta bắt đầu từ đây đóng bảo dân chúng mới lưu tâm để ý đến ngôi chùa Ứng Chơn của núi Ngũ Hành. Nhà vua chúa muốn tô điểm cảnh trí đương nhiên, chùa Ứng Chơn trong niên hiệu Gia Long trở thành ngôi Quốc Tự và bây giờ tạm có vẽ hình thức một ngôi chùa tuy là tranh lá và trên núi có phần hiểm trở như thề sự hiện diện của Phật Giáo bắt đầu từ đây chính thức một nơi tín ngưỡng, Chùa chiến và hang động có vẽ huyền bí trầm lặng và thiêng liêng.

Từ khi đèn án tu tại Tàng Chơn Động, đèn Dưỡng Chơn Am và đèn Dưỡng Chơn Đường sau đó là Ứng Chơn Tự, đều là do sự tu trì và kiến thiết của Hòa thượng Quang Chánh, hiệu là Bảo Đài Đại Sư. Như thề đương nhiên Ngài Bảo Đài Đại Sư là người



Động Hang Ráy (27)

trước tiên khai sơn chùa Linh Ứng, bắt đầu từ khi nhà Lê Cảnh Hưng đền nhà Nguyễn Gia Long và đền quốc gia độc lập bây giờ, trong khoảng thời gian như thế, am viện và Tăng Sĩ ẩn hiện nơi đây sớm chiều với non nước trong cảnh tu hành thanh tịnh.

«Đạo Sĩ chờ ta với hải hồ.

Ta chờ Đạo Sĩ lãng hư vô

Hôm nay trắng tạnh đời cao

Gót giày Đạo Sĩ ra vào Thuyền Quan

Tấm lòng rộng quá không gian

Gió mưa bao ngại cơ hàn sá chi

Tháng ngày theo gót từ bi

Cầu mong đắc đạo cứu vì chúng sinh

Ở đây ba chốn ngục hình

Đau thương bề khô nặng tình sông mê»

d) — Thịnh Đạt :

Ngôi chùa Ứng Chơn tuy sự diễn tiến từ nhỏ đến khi có một hình thức để thờ tự Tam Bảo, khói hương nguyện cầu. Nhưng vẫn còn ở trong hoàn cảnh núi non hiểm trở, chung quanh non núi chền chờ, cây lá um tùm, đường sá lưu thông chưa có. Tuy nhà vua chưa để ý tô điểm vì có lẽ bận rộn nhiều việc, nên trong thời kỳ vua Gia Long đối với chùa Linh Ứng chỉ là trong thời kỳ sơ khai mà thôi. Sau khi vua Gia Long băng hà, vua Minh Mạng kế vị, vua, Minh Mạng là ông vua nổi tiếng giàu tư tưởng thi thơ và tôn sùng đạo Phật, thường hay ngoạn thưởng danh lam thắng cảnh, không những sùng đạo đã có một lịch sử xây dựng các Quốc Tự Ngũ Hành Sơn, mà còn

xây các ngôi chùa những danh thắng như chùa Thanh Duyên núi Túy Vân, chùa Diệu Đê tại Huê chùa Hưng An tại chiêm Sơn Quảng Nam. Thừa kế tư tưởng của vua cha, vua Minh Mạng bây giờ bắt đầu khởi công xây cất các ngôi chùa. Cũng được đặc biệt lưu ý ngôi chùa Ứng Chơn bây giờ bắt đầu thay chùa tranh lá làm bằng ngói gạch. Nhưng phải nhớ rằng muốn xây chùa bằng ngói gạch tại trên núi, thì phải lo khai thông đường sá trước, mới có thể chuyên chở vật liệu đền làm chùa. Vì thế cho nên lúc bấy giờ có lẽ là Bộ Công (Công-Binh) tại triều đình Huê đền tận nơi quan sát, nhằm mở đường xây cất trên núi. Đó là bắt đầu mở mang cho thắng cảnh Non Nước. Sau một thời gian nỗ lực xây đường xuyên lên núi, như đường cấp lên chùa Linh Ứng, đường cấp vào động Tàng Chơn đường cấp đền nhà Thiển và động Ngũ - Cốc, đường cấp lên sân ngự, đường cấp, thông xuyên qua chùa Tam Thai và các động, đường cấp đền Vọng Hải Đài. Sau một thời gian làm đường sá xong, người ta bắt đầu đem vật hạng lên làm ngôi chùa Ứng Chơn bằng ngói gạch và các nhà phụ thuộc của ngôi chùa Ngoài ra cửa tam quan cũng được xây cất đồ sộ và các lang cang xây theo kiểu mẫu của tất cả đường quanh co theo rặng núi. Bây giờ ngôi chùa Ứng Chơn cũng như toàn cảnh Ứng Chơn thay đổi mới hoàn toàn, khác hẳn với am tranh vắng vẻ núi non hiểm trở của thời xưa.

Chắc có lẽ là cũng bắt đầu từ thời vua Minh Mạng khai thác mở mang xây dựng chùa chiền và



Nhà Thiên và đường vào hang Ngũ Cốc (29)

ý-thức về cảnh Non Nước. Lịch sử kiên thiết xây dựng đại quy mô cho cảnh chùa, Ứng Chơn nấy, bây giờ người ta còn thấy những dấu tích lưu lại, như những tấm biển sơn son thếp vàng; những tấm biển vàng chạm trổ của thời xưa tại đây, đèn đầu cũng đều thấy rõ ràng, trong thời kỳ vua Minh - Mạng Hoàng Đề Ngự - Chê (Ứng Chơn Tự Minh - Mạng Tam niên tạo Ngự Chê Ứng Chơn Tự.) Đèn chùa Tam Thai chùa Từ Tâm các động cũng như Vọng Hải - Đài, Vọng Giang Đài, đều là Hoàng Đề Minh Mạng Ngự chê. Như thế, từ đời vua Minh Mạng người ta đã lưu tâm đèn thắp cảnh Ngũ Hành Sơn và quanh năm người ta đi chùa Non Nước và lễ bái cầu nguyện, viếng động Huyền Không. Có thể từ đây ngôi chùa Ứng Chơn trở thành nơi tín ngưỡng đặc biệt khói hương bốn mùa, lễ bái quanh năm.

*Úy chà chà núi cao
Trèo lên thử thế nào
Chùa vua thầy chúc tụng.
Cửa Phật chúng ra vào
Chuông trống vang lòng núi,
Đèn đuốc rạng tợ sao.
Cửa tiền làm thế ấy,
Công đức biết dường bao.*

Trích : Hòa - Thượng PHƯỚC - HẬU

Sau các đời vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức đèn vua Thành Thái, người ta đã đổi danh hiệu ngôi chùa Ứng Chơn trở thành hiệu chùa Linh Ứng Tự, việc thay đổi nấy chắc có lẽ vì lý do phạm những chữ cấm kỵ của nhà vua. Hiện bây giờ tại chùa

Linh-Ứng có hai biển vàng một Ngự-Chê Ứng-Chơn-Tự Minh-Mạng lục niên. Hai bảng vàng Cải tứ (đổi lại) Linh-Ứng-Tự Thành-Thái tam niên. Từ đời Thành-Thái người ta mới thường gọi chùa Linh-Ứng Non-Nước, có nghĩa là ứng-nghiệm và linh-thiên. Thờ là Quốc - Tự Ứng-Chơn từ đây đổi lại Linh-Ứng-Tự.

Tuy nhiên trải qua bao nhiêu triều đại lịch-sử, và trải bao thời-gian phong sương với tuề-nguyệt, người ta đã nhiều phen tu-bổ, tùy khả năng, tùy theo hư hoại, chánh phủ đã dự-trù ngân-sách cho chùa chiến Lãng Tám tu-bổ thường niên. theo nguyên-tắc bảo tồn cổ-tích và danh thắng liệt hạng.

TÁI-THIỆT (TRÙNG-KIẾN)

Vì đã quá lâu đời và có thể xây dựng gần bốn năm trăm năm với thời gian, ngôi chùa Linh-Ứng nay đã hoàn toàn hư hoại, thêm vào đó là quê hương bị chiến tranh quá lâu, bom đạn của chiến cuộc dày xéo nên ngôi chùa đã bị sụp đổ. Chúng tôi và tỉnh Giáo-Hội Thông-Nhứt tỉnh Quảng Nam đã đệ trình lên chính phủ chấp t huận tái thiết ngôi Quốc tự Linh Ứng, có thể vào khoảng năm Nhâm-Tý (1972-1973) thực hiện chương trình tái thiết (Trùng-Kiến) Quốc tự Linh Ứng một cách trang nghiêm tốt đẹp.

TRUYỀN-KẾ

Nói đến việc truyền thừa cũng như các Quốc Tự, tại Ngũ hành Sơn khác hẳn với các chùa khác, vì lẽ tại Ngũ hành Sơn, chùa thuộc Quốc Tự. Vua chúa tạo lập



Cửa Động Ngủ Cò (30)

hai nơi Tam Thai và Linh Ứng liên quan mật thiết với nhau, hội đồng Tăng Lữ ở đây cũng thông nhất một khối mà thôi. Tuy hai cảnh chùa khác nhau, mà sự sinh hoạt gần như chung một. Ví dụ như bên chùa Tam Thai nhận chức Tăng Cang, thì bên chùa Linh Ứng lãnh chức Trụ-trì. Đền như hoa lợi ruộng đất của Ngũ Hành Sơn cũng chia cân hai chùa.

Tăng sự ở đây cũng chung một, riêng về truyền thừa tự tổ, thời riêng bên chùa Linh Ứng từ ngài Quang Chánh hiệu Bảo Đài khai sơn, ở đây, sau khi Hòa Thượng thị tịch, bảo tháp được xây ngay sau chùa Linh Ứng tiếp theo Hòa Thượng Khai Sơn là Hòa Thượng Chơn Như, tiếp nối Hòa Thượng Chơn Như là Hòa Thượng Mật Hạnh, Hòa Thượng Mật Hạnh truyền kệ Ngài Hòa Thượng Ân Lang tự Tổ Huệ hiệu Từ Trí rồi kệ Ngài Hải Nghiêm, Phước Nghi thừa kệ Ngài Đạo Các hiệu Hưng Long, thừa kệ Ngài Hưng Long là Ngài Như Thông hiệu Tôn Nguyên A Xà Lê rồi kệ Ngài Tôn Nguyên, Giáo Hội Quảng Nam, Đà Nẵng suy tôn Hòa Thượng Thích Tôn Thắng, làm Tăng Cang Linh Ứng Quốc Tự. Trong khoảng năm 1959 Hòa Thượng Thích Tôn Thắng niên cao sức yếu hai Giáo Hội Quảng Nam, Đà Nẵng suy cử Thượng Tọa Thích Hương Sơn (Trí Hữu) đương kiêm Trụ Trì chùa Linh Ứng đền bây giờ.

Về danh Tăng bây giờ tại Ngũ Hành Sơn có một sự thay đổi đặc biệt về Tăng Chê. Triều đình Tăng Chê sắc chiêu Tăng Cang cho hai chùa Tam Thai và

Linh Ứng. Sắc chuẩn Trụ Trì và Tăng mục, Tăng chúng. Đầu tiên tại Ngũ Hành Sơn sắc chuẩn Tăng Cang và cũng vị Tăng sĩ đầu tiên Ngài Hòa Thượng Ân Lang Từ Trí Sắc chuẩn Tăng Cang có đạo điệp Triều đình ban cấp, nghĩa là vị đứng đầu trong Tăng sự tại đây. Có nhiệm vụ kiểm soát, lo lắng việc tu hành của chư Tăng. Trong lịch sử Tăng chè cải tiến của các chùa, ta thấy hiện nay còn ghi lại tại bia chí dựng tại chùa Linh-Ứng.

III/— HOẠT ĐỘNG.

a)— Quốc Tự Linh Ứng cũng như Các Quốc Tự mục đích là tô điểm các danh lam thắng cảnh, và nêu cao tinh thần đạo Phật.

b)— Các triều đại đều kiên đàn cầu nguyện. Chư Tăng sinh hoạt tu hành theo nếp sống thiền môn, tự viện danh lam thắng cảnh này, cũng là nơi tín ngưỡng cầu nguyện thập phương bá tánh, mà chư Tăng quanh năm phải lo nghi lễ Phật sự.

IV/— GIÁM HỘ

Các Quốc Tự cũng như Quốc Tự Linh Ứng, tuy là tùy thuộc tiền triều, và chính phủ hiện nay lo bảo tồn di tích lịch sử và danh thắng, nhưng Quốc tự Linh - Ứng cũng như các Quốc Tự khác, tuy là tùy thuộc tiền triều và Chính Phủ hiện nay lo bảo tồn di-tích lịch sử và danh thắng, nhưng việc quản trị chùa chiền từ xưa đến nay do Giáo-Hội địa phương



Tam quan Chùa Linh Ứng (31)

chăm lo sắp đặt, như tiền cứ các vị Trụ-trì, cũng như hoạt động các Phật sự bảo tồn danh lam thắng cảnh chung. Chư Tăng phải lo các đại lễ và việc tu bổ thường niên của các chùa và danh thắng toàn cảnh, nhất nhất đều do Giáo-Hội lãnh đạo và giám hộ. Sau này có tăng thiết xây dựng thêm chùa Tam-Tôn bên cạnh phương - trượng chùa Tam Thai và làm thêm chùa Quan-Thê-Âm bên núi Kim-Sơn.

V/— KẾT LUẬN

Phật-Giáo Việt-Nam có danh từ đặc biệt là Trúc Lâm Tam-Tổ, tại núi Yên-Tứ Bắc-Việt. Các vua chúa đời nhà Lý, nhà Trần đều đây ấn trú tu-hành sau trở thành ngôi Phật Tự, Yên-Tứ hữu danh. Ngôi chùa Linh-Ứng lịch sử thuở xưa của nó là một vị Tiên hiền khai sáng làng Khái Đông đền ấn tu tại động Tàng Chơn, làm thảo am chùa Phật to lớn danh lam đệ nhất tại tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Tất cả những Phật tử quốc nội cũng như quốc ngoại xưa nay đồng đều chiêm ngưỡng lễ bái cầu nguyện. Thật là Cổ-Già-Lam-Tự hữu danh, người ta quý mến và tôn sùng; phải sạch trần tâm đượm nhiễm mùi Thiền vậy.

Sứ sách không tránh được sự sơ sót,
Người sau kính lễ sám hối,

THÍCH HƯƠNG SƠN

CUNG LỤC

ĐƯỜNG CẤP

Ta nên nhớ rằng : Theo lịch sử từ nhà tiền Lê đền nhà Lý và nhà Trần, thời Ngũ Hành Sơn có lẽ là nơi hẻo lánh không có dấu chân người đi tới, qua đền nhà hậu Lê và thời đại Trịnh Nguyễn phân tranh, lúc bây giờ mới có các nhà đạo-sĩ đền ẩn dật tu hành tại các hang động; việc hiểm trở ấy có nhiều lý do bởi lẽ là :

Ngũ-Hành-Sơn lúc bây giờ chưa được khai thông đường sá để đặng sơn. Hai là Ngũ-Hành-Sơn chưa được phát triển, ba là trong thời kỳ nước nhà chưa mấy tiền bộ, nên không có việc du lịch và du khách Đền khi nhà Nguyễn vua Gia-Long phục quốc, bây giờ ở Ngũ-Hành-Sơn mới có một vài am tranh chùa lá, việc phát triển ở đây đền đời vua Minh-Mạng là vị vua tôn sùng đạo Phật, nên thường đền Ngũ-Hành thầy bầu trời cảnh Phật như thề, nhà vua mới lập chương trình khai thông đường sá lên núi. Thời vua Gia-Long cũng có chùa nhưng đền vua Minh Mạng mới phát triển, việc chùa chiền ta nên biết rằng muốn xây cất nhà cửa hoặc là chùa chiền trên núi như thề, triều đình phải dự định làm đường sá xuyên qua núi non có đường lối mới có chương trình xây cất bằng ngói gạch, nên bây giờ ta đền dưới núi đã thầy có đường cấp rộng rãi dễ dàng chúng ta chỉ có đặt chân bước lên núi, lên chùa mà thôi. Điện Bà núi Tây Ninh, miền Nam Bộ cũng như ở núi Ngũ Hành Sơn, nhưng đường sá lên núi không được xây từng cấp, để cho việc đi được dễ dàng như ở Non Nước.



Động Âm Phủ núi Thủy Sơn (32)



Hòn Kim Sơn, Hòa sơn (33)

Có các cấp như sau : Một đường cấp đầu tiên lên chùa Tam Thai, hai là đường cấp lên ngã chùa Linh Ứng, đường cấp lên Tam Thai ước hơn hai trăm cấp, đường cấp lên chùa Linh Ứng độ 150 cấp, khi lên đền Tam Thai có đường vào chùa Tam Tôn chùa Từ Tâm và nhà Phương trượng (Sơn phòng). Sau chùa Tam Thai là những con đường vào động Huyền Không và đường lên động Linh Nham, từ đây một đường cấp nội dài thông qua núi và suốt đền chùa Linh Ứng, phải nhớ rằng đường vào động Huyền Không dài độ 300 thước khoảng đường qua động Linh Nham và con đường đền Chùa Tam Tôn Từ Tâm và Vọng Giang Đài độ 50 thước, khoảng đường cửa hậu vào động Vân - Thông độ 100 thước đó là những đường cấp chính.

Từ chân núi Linh Ứng và đường cấp thẳng lên tam quan Linh Ứng có nhiều đường cấp chính thông qua núi đền chùa Tam Thai độ 500 cấp, đường cấp vào động Tầng Chơn độ 40 thước, đường cấp đền động Ngũ Cốc độ 50 thước, đường đền sân ngự để trông ra biển độ 20 thước, đường cấp qua chùa Tam Thai rẽ về Vọng Hải đài độ 20 thước.

Khoảng làm đường cấp toàn diện bề ngang hơn bốn thước, đá xây cắt đều không phải là đá bản xứ, nghĩa là người ta dùng đá Trà kiêu hoặc là đá La Vân. Lễ đường cấp người ta đều xây lang cang có tô đắp chỉ nẹp xem rất mỹ nghệ cổ. Bề cao độ chừng một thước rưỡi, xây rất dày, đường cấp từ chân núi thẳng lên độ nửa đường của hai chùa Tam Thai,

Linh Ứng, người ta tại đây xây các trụ đá to tương chạy chỉ hình vuông, chuốt búp sen làm như thềm biểu hiệu ngoại môn, (cửa ngoài) rồi mới đến cửa tam quan. Xưa người ta làm có vẻ kiên cố và cổ kính lắm. Ngoài ra đường vào các núi các động Kim-Sơn, Hòa-Sơn Mộc-Sơn, Thổ-Sơn lối đi vào thường thường thiếu sắp đặt vì mới tổ chức sau này.

ĐÁ VÀ CÁC SẮC ĐÁ

Đá Non-Nước là sắc đá trắng, lại có đá vân, đá đỏ hường, hoặc có đá hoa sơn thủy, đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt. Đặc biệt như thềm cho nên dân bản xứ thợ đá cứ hăm dọa đào đá, xấn đá, đóng đá. Từ xưa đến nay cứ phá đá mãi. Việc phá hoại đền nay cũng còn trầm trọng.

CÔNG DỤNG :

Đá này người ta dùng vào đủ cách, nhất là người ta xẻ những tảng đá lớn làm bia đủ cỡ, dùng vào việc khắc tên xây mộ, một cách khác là họ đập mảnh đá nhỏ, đá gạo hoặc là xuất cảng đá ga - đi - tô, một cách dùng đá ba lý, ba lát, ba lông. Một cách họ dùng làm còi đủ cỡ, họ làm lục bình sư tử hoặc là hình tượng Phật, Bồ-Tát. Hình người, voi, cóc, bình chén, ly, tách, khay trà, vòng đá. Có nhiều khi họ dùng các mảnh đá để làm mã đá vì thềm Non - Nước Ngũ - Hành - Sơn là đá có tên tuổi đặc biệt. Vì thềm các thợ đá dân bản xứ cứ hăm dọa phá đá từ xưa đến nay. Chánh quyền cơ quan khẩn cấp, rớt rỏi cũng không ngăn chặn nổi. Cái nguy hại phá núi đã được Giáo Hội lập thành Ban - Quản - Trị Ngũ - Hành - Sơn, chính quyền đã từng



Vọng Hải Đài (35)

thành lập ban bảo vệ, Ngũ - Hành - Sơn, mà rốt không đi đền đầu, nhất là 20 năm chiến tranh của quê hương dân chúng quy về ở chung quanh các cụm núi, họ vô nghề nghiệp sinh sống, nên việc phá đá trở nên trầm trọng, chính quyền không giải tỏa nghiệp hộ và giải quyết sự sanh sống của dân chúng khi bị chiến tranh của đất nước, Tóm lại, nơi đây bấy lâu trở thành hải cảng xuất cảng đủ các loại đá. Nếu tình trạng kéo dài phá hoại, thì các núi trở thành suy mòn, tiêu hoại như thê đáng lo ngại mai hậu của thắng cảnh này.

THI THƠ. —

Các nước trên thê giới, nơi nào có kỳ - quan thắng cảnh thời các nhà thi thơ có nhiều cảm hứng và nổi danh cảm để cảm tác, hoặc là vịnh cảnh. Người ta đã viết bao nhiêu tác phẩm nói về thắng cảnh kỳ quan của thê giới. Nhất là các nước Á - Đông, như Trung Hoa đã có bao nhiêu nhà đại - thi - hào; như Tô - Đông Pha, Bạch - Cư - Di, Lý - Thái - bạch. Âu - châu nước Pháp thì có thi - hào Tago, Laphontaine và các thi - hào khác. Vì thê Ngũ - Hành - Sơn danh lam thắng cảnh này xưa nay biết bao nhà thi hào cảm tác, cảm để, vịnh cảnh. Nay tôi chỉ xin nêu các bài thơ chữ Việt và thơ chữ Hán, của các nhà thi vịnh Ngũ - Hành - Sơn.

NGŨ - HÀNH - SƠN

Tạo - hóa điểm tô nổi mây tòa
 Ngũ - Hành - Sơn cảnh rất nguy - nga,
 Có đài Vọng - Hải trông ra biển
 Có động Huyền - Không gió thổi lòà,

Có khách bốn phương về viếng cảnh
 Có chùa hang đá dầu Tiên gia,
 Ai về Đà - Nẵng tôi xin nhắn
 Gởi một tình yêu mền nước nhà

NGÔ KHẮC KỶ (Phong Dinh)

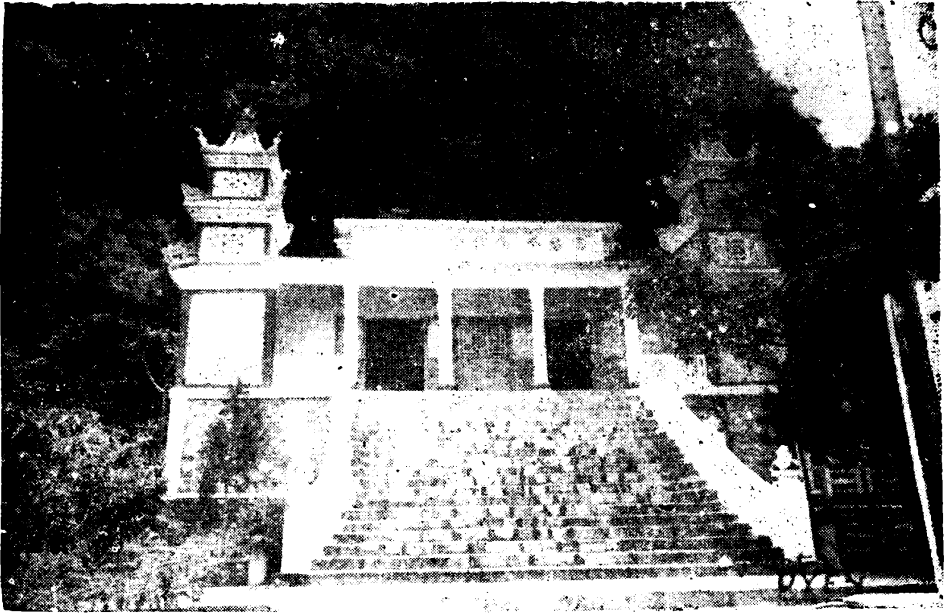
Vịnh NGŨ HÀNH SƠN

Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
 Bóng lai âu cũng hẳn là đây
 Đá chen với núi màu năm sắc
 Chùa nức hơi hương khói lộn mây
 Ngư phủ gác cần ngư mặt nước
 Tiểu phu chông búa dựa lưng cây
 Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách
 Khen bày thợ trời khéo đắp xây

(Bà Băng Nhãng Quảng Nam)

CẢM TÁC

Danh thắng trời Nam chính cõi này
 Dầu Tiên gót Phật đủ nơi đây
 Thiên nhiên cảnh vật đầy vi diệu
 Gió thét mưa gấm khó chuyển lay
 Hùng vĩ hiên ngang trời một cõi
 Hòa đồng cao cả giữa vô biên,



Chùa Quan-Âm (34)



Giếng Tiên và Cảnh Thủy Sơn (38)

Thời gian qua mãi qua bao chuyến
Trải bày tang thương chẳng lụy phiền
Và cứ trường sanh ngoài tuề nguyệt
Ngại gì cao cả giữa trần gian
Nêu gương tuyệt đời ngàn muôn thuở
Cũng chồn bóng lai cũng đạo tràng.

Át mùi – 1955 THÍCH THIÊN TRÍ Huệ

CẢM TÁC

Mỗi buổi bình minh thỏa ước mong
Tàng chơn cảnh đẹp bước càng dong
Tri ân sản có đôi câu kệ
Ngoài Phật ai hay tỏ nỗi lòng

(THÍCH NHƯ Ý)

XƯỞNG

Hai mươi năm trước đèn ngày nay
Cũng nước non Tiên cũng lời này
Tặng đá tham thiền tro troi đó
Hỏi thăm người cũ chẳng ai hay.

PL. 2500 HT THÍCH TRÍ THỦ.

HỌA

Kể từ ngày ấy đèn hôm nay

Non nước ghi chân bạn cũ nầy
 Ông chủ năm xưa đâu đây nhỉ
 Nào non nào nước biết chẳng hay

(THIÊN HÒA TỬ Ôn Quy Thiện)

THƠ CHỮ HÁN

Thiên nhiên cảnh trí xuất Tam - Thai
 Mạch dẫn Đào Nguyên động Lý Lai,
 Nhật lệ Huyền - Không phi bích dụ
 Vân phong truyền - Thạch âm thương đài,
 Thiên lưu huynh quỳện triều quan thề
 Vạn khoảnh bốn xu Vọng - Hải - Đài,
 Linh vị Hành - Sơn chung vượng khí
 Đổ khai tiên các hóa công tài.

Thượng Tọa NON NƯỚC (Dịch)

Triều triều Nam vọng Ngũ - Hành - Sơn
 Ưc phổ đà nham tại thứ gian
 Bất đoạn triều âm truyền phạm bồi
 Vô cùng thạch đẳng ứng thuyền quan
 Trùng chim thảo thọ khai hương quốc
 Phổ lợi như thiên kiến đạo tràng
 Thị xứ đặng lâm trần niệm tịnh
 Tiên đô hà sự thồn tâm mang;

Thuận Hóa Bích Phong

Hòa Thượng Quy Thiện



Vọng giang Đài (36)

NGŨ HÀNH SƠN HỮU TÀI

Năm kỷ niên lai ước Ngũ Hành
Thu sơ nhận lữ hướng Nam chinh
Tham thiền nhĩ nhật lưu dư tích,
Hóa chủ đa thời khước huyền sanh.
Vọng Hải ba đào du hữu hận,
Huyền Không vân nguyệt khởi vô tình.
Đặng lâm cảm hứng nhàn nhơn tỹ,
Ký ngữ thanh sơn nhận cựu danh.

Tổng Giám Đốc Phật Học Viện Trung Phần

H.T. THÍCH TRÍ THỦ

CẢM TÁC.—

Biền lã danh sơn nhật dĩ tà,
Hải đài ý vọng hải dương ba
Thừa phong nhận tự khinh khinh phần,
Trục lẳng ngư thuyền khoản khoản qua.
Tịch sử yên tri thiên địa Quảng
Đặng cao phương thức thủy vân đa
Kịch lịch ba đào như cổ nộ.
Vị vãn giang sơn cáo tồ hà.

THANH PHONG Vô Hâu

CÂU ĐÔI TẠI CHÙA LINH ỨNG

Ngũ-Hành thượng liên tòa ba hương, từ vân
mãn bờ, huệ nhựt đăng huy phổ độ chúng
sinh đa diệu lực.

Năm niên tiền qua thành tiết trần, đăng Vọng
Hải Đài chắt Huyền Không Động. Quán hoài
thê giới nhật kỳ quan.

Thái Tử Thiếu Bảo Càn Chánh Điện Đại Học Sĩ
phò quan Quận Công Phụ Chánh Thân Thần
TÔN THẤT HÂN

Cổ tự tăng nhàn, thường dĩ yên hà vi bạn lữ
Thâm sơn cầu thê chỉ bằng thảo mộc Ký
xuân thu.

(trích lục).

Mộ cổ thần chung cảnh tĩnh ái hà danh lợi khách
Trêu kinh tịch kệ hoán hồi trần thê mộng mê non.

TRÍCH RA MỖI BÀI TẠM DỊCH TẠM GIẢI:

Thiên nhiên cảnh trí xuất Tam-Thai.
Mạch dẫn Đào-nguyên động Lý lai.
Nhật Lệ Huyền-Không phi bích dụ.
Vân Phong Huyền-thạch ân thương đài
Thiên lưu huỳnh quỳện triều quan thê.
Vạn khoảng bốn xu Vọng-Hải-Đài.
Linh vị Hành-Sơn chung vượng khí.
Đổ khai Tiên cát hóa công tài,



Vân Thông Động (37)

TẠM DỊCH

Cảnh thiên nhiên có núi Tam-Thai
Đào nguyên động cũng hiện tại đây.
Ánh sáng che phủ núi Huyền-Không
Mây gió lồng trông thương đài đá trắng
Vọng-Hải-Đài thầy muôn cảnh bao la.
Linh địa Hành-Sơn nơi thịnh vượng.
Và hóa công đã tạo cảnh thần tiên.

TẠM GIẢI

Cảnh trí thiên nhiên đã tạo nên Tam Thai và cảnh thần tiên cũng điểm tô cho động Đào nguyên tại đây

Triều triều Nam vọng Ngũ-Hành-Sơn
Ức Phổ-đà nham tại thứ gian.
Bát đoạn triều âm truyền phạm bởi.
Vô cùng thạch đấng ứng thuyến quang.
Trùng chiêm thảo thọ khai hương quốc.
Phổ lợi nhơn thiên kiến đạo tràng
Thị xứ đấng lâm trần niệm tịnh.
Thiên đồ hà sự thồn Tâm mang.

TẠM DỊCH :

Đàt Quảng Nam có núi Ngũ Hành

Phổ Đà Sơn cũng tại đây
 Tiêng kinh bồi điệp thường vang dội
 Tảng đá tu thuyền đã như ý !
 Thêm vẽ huy hoàng cho cảnh Phật
 Là đạo tràng lợi ích cho người trời
 Người đèn đây như phải hệt lòng trần
 Bấu trời cảnh Phật

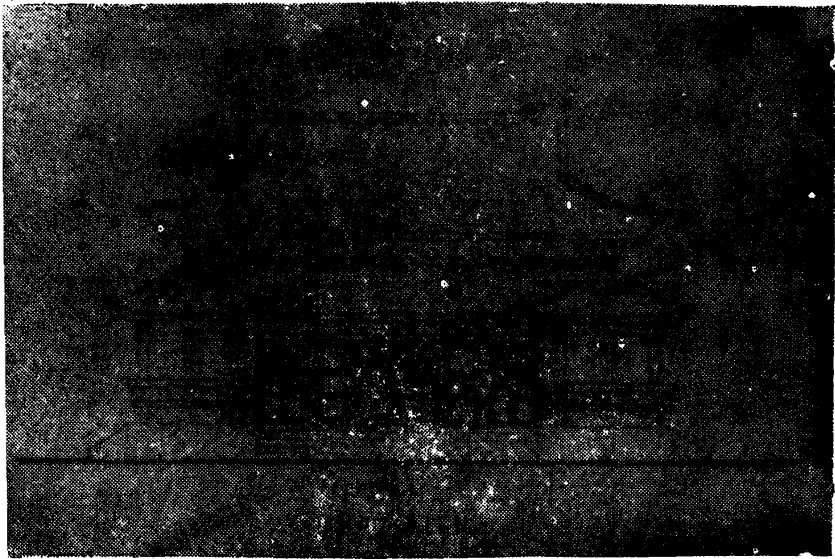
Biên lã danh sơn nhật dĩ tà
 Hải đài ý vọng hải dương ba
 Thừa phong nhận tự khinh khinh phàn
 Trục lảng ngư thuyền khoản khoản qua
 Tịch xứ yên tri thiên địa Quảng
 Đẳng cao phương thức thủy vân đa
 Kích lịch ba đào như cổ nộ
 Vị vãn giang sơn cáo tồ hà

TẠM DỊCH :

Đèn thăm non nước lúc trời chiều
 Nương đài Vọng Hải trông ra biển
 Bấy nhận trên không lững thững về
 Thuyền câu lướt sóng trông vô bực
 Ở thấp đâu biết trời đất rộng
 Lên cao mới thấy nước mây nhiều
 Lượn sóng hải triều như giận dữ
 Muôn hỏi giang sơn cáo tồ ai



Chùa Tam Thai (39)



Sơ-Đồ chánh điện chùa Linh Ứng (45)

HỮU TÀI

Năm kỹ niên lai ức Ngũ Hành.
 Thu sơ nhận lữ hướng Nam chinh.
 Tham thiển nhi nhứt lưu di tích.
 Hóa chủ đa thời khước huyền sanh.
 Vọng-Hải ba đào du hữu hận
 Huyền-Không Vân nguyệt khởi vô tình.
 Đẳng lâm cảm hứng nhân nhơn tỹ
 Ký ngữ thanh sơn nhân cựu danh

TẠM DỊCH

Hai mươi năm trước nhớ Ngũ-Hành
 Đầu thu bạn nhận về Nam chinh
 Tham thiển còn dư dấu cũ
 Mà nay hóa chủ đâu vắng rồi
 Ở Hải-đài thấy sóng như cơn giận
 Mây trắng Huyền-Không đâu quên buồn
 Đền đây cảm nghĩ thắng cảnh nầy
 Ghi lại danh sơn để nhớ người.

CÂU ĐỐI :

Ngũ-hành thượng liên tòa ba hương, từ vân mãn
 bờ huệ nhứt đăng huy phổ độ chúng sanh đa diệu lực.

Năm niên tiến qua thành tiết trần, đặng vọng-hải
 đài, chắt Huyền-không động, quán hoại thế giới nhật kỳ
 quan,

ĐẠI Ý

1/- Phật-giáo cảnh Ngũ-Hành nêu cao gương sáng đạo từ-bi vì thế cứu độ chúng sanh nhiều diệu lực.

2/- Ba mươi năm trước làm Tổng-Độc tại Quảng Nam, tôi có đến Vọng-Hải-Đài và vào động Huyền Không, cảm nghĩ thắng cảnh này là kỳ quan nhất thế giới.

(Phụ-chính Thân-Thần)

Cổ tự tăng nhàn thường dĩ yên hà vi bạn lữ.

Thâm sơn câu thê chi bằng thảo mộc ký xuân thu

ĐẠI Ý :

Thấy tu ở chùa núi non thường vui đạo thiệp và lầy mây khói làm bạn. Đời sống của thầy tu bằng núi non sâu thẳm và lầy cỏ cây làm bạn thảng năm.

Mộ cổ thần chung cảnh tịnh ái hà danh lợi khách.

Triêu kinh tịch kệ, hoán hởi trần thế mộng mê non

ĐẠI Ý:

Chuông trồng cảnh Thiền mai chiếu thức tịnh khách danh lợi sông ái.

Kinh kệ mai chiếu cửa thiền môn, mục đích kêu gọi người mê mộng trần thế để trở về nhà chơn thường.

YÊN-TỬ ĐẤT QUẢNG,



Hòa Thượng Phước Trí tặng cang chùa
Tam Tha. (40)

Núi Yên-Tứ ở đất Bắc-Hà. Miền Bắc nơi này ngày xưa, các vị vua đời Lý, đời Trần, tức Lý-Nhân-Tôn và Trần-Nhân-Tôn cùng Hoàng-thân Quốc-thích thường hay đến chùa Yên-Tứ để lễ Phật và hỏi đạo. Khi bây giờ thầy nhiều lúc các Ông vua chúa và thân quyền đến ở cả năm tháng, triều thần phải đến rước về. Sau các ông vua Lý-Nhân-Tôn và Trần-Nhân-Tôn đều đến xuất gia tu hành tại núi Yên-Tứ Bắc-Hà, chắc có lẽ các ông vua này đều có căn quả tu hành, nên đã sớm mèn cánh lam thuyền tịch tịch, cũng chí hướng và tinh thần xuất thế gian của các nhà vua chúa thời xưa, nên việc đặc đạo thông thái của thuyền tôn được nổi bậc thời bấy giờ, qua các quyển sách văn học đời nhà Lý và văn học đời Trần, người ta đã thấy sự thâm thúy chứng ngộ của các Ông vua tu hành, đã viết ra và nói lên sự cao thâm của thuyền học. Các bộ sách này có thể làm sách của Phật-Giáo Việt-Nam, sau khi các tổ lập thuyền tôn thứ nhất và Thảo Đường thứ hai ở Việt-Nam. Ảnh hưởng lớn lao sự tu hành của các ông vua này từ núi Yên-Tứ, am thanh vắng vẻ lam thuyền mà gây lực lượng cho thuyền học Việt-Nam. Vì vậy cho nên người xưa có câu :

« Ai về Yên-Tứ mới đành lòng tu », ý nói Yên-Tứ là nơi núi non trầm tịch thanh vắng, sức quyền rũ khách trần, cho nên nhiều người mộ đạo và cầu giải thoát, các Ông vua đời Lý và đời Trần đều tu hành tại nơi đây sau đều đặc đạo cả.

Ngũ Hành Sơn Quảng Nam là một danh lam thắng cảnh, khi chưa có sự hiện diện của Phật Giáo ở đây;

bây giờ cũng có người đền các động ở để tu luyện như Ngài Tổ Sư Khai Sơn sơ khởi lập chùa Linh Ứng do trước kia Ngài đền tu hành tại động Tàng Chơn một thời gian, sau làm am tranh tại trước động ở cho tiện và các Hòa Thượng tổ sư hai chùa Tam Thai. Linh Ứng có nhiều Ngài từ Tỉnh xa đền đầu tu hành tại Ngũ Hành Sơn, sau đó có động Hoa Nghiêm, Công chúa Triều Nguyễn đền tu hành tại am tuyền tại động Huyền Không, sau nguyện thiêu hỏa táng tại Ngũ Hành Sơn, cho đền các nhà vua chúa tuy không đền tu hành nhưng có nhiều Ông vua trong triều Nguyễn đã thường đền Ngũ Hành Sơn thăm ‘viếng hoặc đền khai đàn cầu nguyện dân an, quốc thái, nhưng nghe đâu bây giờ có Hoàng Đê Minh Mạng thường đền Ngũ Hành Sơn ở lại, hoặc làm thi hoặc đánh lễ, Ngũ Hành Sơn tuy không phải Yên Tử của các vua mộ đạo đời Lý, Trần, nhưng cũng là bầu trời cảnh Phật, trở nên một nơi tín ngưỡng của tất cả Thập-phương bá tánh, trở thành nơi mộ đạo và nơi viếng cảnh của các vua chúa trong thời nhà Nguyễn.

BẢO VỆ

Ngũ-Hành-Sơn là cảnh danh thắng đệ nhất của nước Việt-Nam, tuy những cảnh hữu danh trên thế giới như Đê Thiên, Đê Thích hoặc Kim-Tự-Tháp Ai-Cập, những nơi đó là nhân tạo, Ngũ-Hành-Sơn là cảnh thiên nhiên núi non cổ kính. Nhiều hiện tượng kỳ lạ đời với dân tộc Việt-Nam nó có một lịch sử khí thiêng un đúc, nên người Việt oai hùng, nói riêng đất Quảng đã tạo nên



Hòa Thượng Thích Thiện Quả Tăng
cang Tam Thai Linh Ứng nhị tự (41)

bao nhiêu lỗi lạc, là đất Ngũ-Phụng Tể-Phi và xuất hiện rất nhiều chí-sĩ hào-hùng. Cảnh trí này nó là địa linh sinh nhân kiệt, hơn nữa Ngũ-Hành-Sơn là biểu tượng cho văn hóa Việt-Nam, những nơi cổ kính, những nơi danh thắng cổ tích, địa thế cảnh trí sơn kỳ thủy tú, như thế nó đã làm nổi bậc được nền văn hóa và nó làm cho nền văn hóa xứ sở quê hương thêm nhiều phong phú, vì thế khi người ta biết đến cảnh Ngũ-Hành-Sơn, dân chúng lui tới thăm viếng là người ta đã có ý lo bảo vệ thắng cảnh Ngũ-Hành-Sơn, chùa núi đền sự hiện diện của Phật giáo, Thần giáo. Phải nhớ rằng nơi đây trong thời kỳ triều Nguyễn, Vua Minh-Mạng đã cấp binh lính ở thường trực với chức Tể, lo cai quản bảo vệ thường trú tại đây để giữ gìn, cho đến sau này họ đã phối hợp các cơ quan và quý thầy để lo thành lập hội đồng bảo vệ danh lam thắng cảnh. Việc du khách du lịch quốc nội cũng như quốc ngoại đến viếng càng ngày càng tập nập, thời cuộc quản trị và bảo vệ Ngũ-Hành-Sơn trở nên quan trọng. Nước nhà bị chìm trong chiến tranh quá lâu nên phải bị người ta lợi dụng làm tổn thương rất nhiều. Mong rằng sau khi chấm dứt chiến tranh thì chánh quyền gia tâm tăng cường việc bảo vệ danh thắng Non-Nước.

CẢM TƯỞNG :

Dân tộc Việt-Nam có một lịch sử oai hùng, là nòi giống Tiên-Rồng vì thế quốc sử đã nêu sự vẻ vang của khai cơ lập quốc, hơn nữa đã là nòi giống Lạc Hống trên đất bốn ngàn năm văn hiến cũng từ đó ảnh hưởng danh tự đầu tiên của một dân tộc. Vì thế

đất Việt và người Việt phải đi đôi với nhau, thầy cảnh biệt người; địa linh nhân kiệt, cảnh trí Ngũ-Hành-Sơn là một địa thắng của dân tộc, một kỳ quan của xứ sở, như thê Ngũ-Hành-Sơn là một biểu tượng cho nền văn hóa của dân tộc, nền văn hóa được sâu rộng và huy hoàng do đất nước và nhân vật thời đại tạo nên vậy. Lịch sử Ngũ-Hành-Sơn là nơi danh lam thắng cảnh của nước nhà, kỳ quan của thê giới. những hiện tượng của cổ tích liệt hạng và cảnh trí của sông núi trời bể mênh mông, từ xa xưa đến bây giờ, làm cho không biết bao nhiêu du khách quốc nội cũng như quốc ngoại, ngạc nhiên trước danh lam thắng cảnh, sơn kỳ thủy tú này. Tất cả du khách du lịch quốc nội cũng như quốc ngoại, khi đặt chân đến thắng cảnh Ngũ-Hành-Sơn cũng như khi họ xuống núi, không biết bao nhiêu suy gẫm và lưu lại mãi mãi ký ức không thể quên được.

Ngũ-Hành-Sơn cũng là nơi làm cho nền du lịch của nước nhà thêm phát đạt và cả sự du lịch của thê giới nữa. Vì thê nên những người miền Trung Việt Nam cũng như những người đã đến đất miền Trung mà không tới viếng thăm cảnh Ngũ Hành Sơn Non Nước coi như mình đã phụng tình non nước vậy.

Người xưa nói :

« Đã sinh ra ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông »
« Thà không trời đất không chi cả
Còn có non sông có lẽ nào ? »

TỔNG - KẾT:—

Những hiện tượng trên cổ tích kỳ quan, người



Hòa-Thượng Thích-Tôn-Thắng tặng cang
chùa Linh Ứng (42)

ta rất công phu để tìm hiểu lai lịch của nó phát xuất như thế nào, chưa giải quyết được, chỉ thầy bùa chí tại chùa Linh Ứng để là một ngàn năm trước nó là Hải-đảo, một ngàn năm về sau là Ngũ-Hành. Nghĩa là theo lịch sử nước Việt-Nam bốn ngàn năm thu hẹp, thời trước một ngàn năm là hải đảo, rồi sau đó một ngàn năm và đến bây giờ là Ngũ-Hành-Sơn. Núi non nhiều cụm không cao, mọc tự nhiên theo miền biển kề cận Đà Nẵng và cửa Hội An, một cảnh trời biển thiên nhiên với các cụm núi vui vầy đứng mãi với thời gian và tuề nguyệt, đã tỏ ra không biết bao nhiêu cơ hội cho du khách ngoạn mục, trầm trở một thẳng cảnh, một danh lam ở trong đất nước dân tộc. Nó đã gây ảnh hưởng mọi biểu tượng của một sinh hoạt dân tộc, cả tôn giáo, lễ nghi, phong tục tín ngưỡng luân lý, vì thế Ngũ Hành Sơn chỉ là những núi đá nhưng nó là đá đặc biệt, núi đá đã có không biết bao nhiêu hiện tượng kỳ quan, hang động hiện ra nhiều kỳ lạ, và người ta phụ họa thêm vào đó những bản nhạc âm điệu đặc biệt, của những ý nghĩ lời lẽ lý thú, lý tưởng mẫu nhiệm hòa tấu qua bởi Phật giáo và Thần Giáo từ đó tín ngưỡng xây dựng vào thẳng cảnh cổ tích, đó là người ta đã tự nhiên tô điểm cho danh lam thẳng cảnh Ngũ Hành Sơn trở thành kỳ quan và kỳ diệu nhiệm mầu của dân tộc. Nói một cách dễ hiểu hơn là ngoài động hang và hiện tượng thiên nhiên ra còn có đến chùa và thêm việc chỉnh trang của nhân tạo như đường cấp tạo thêm những đài vọng cảnh và am thuyến, am vân.

Có cây trăm thước.

Có hoa bồn mùa
 Có cổ tự có động đến.
 Nâu sống từ trở mùi thiền.
 Quý thay giọt nước cành dương.

Tuy du lịch, du khách hoặc du ngoạn, nhưng có nhiều người hình như cảnh trí lôi cuốn, đặt chân đến thắng cảnh thầy chùa, coi như mình đã phủ sạch tất cả niềm hệ lụy của nhân thế, một dịp đền viếng cảnh thăm chùa sau khi trở về còn lưu mãi mãi trong ký ức không thể phai nhạt được, tâm hồn của những người du khách đôi với giang sơn thắng cảnh :

Úy chà chà núi cao,
 Trèo lên thứ thề nào.
 Chùa Vua Thấy chúc tụng.
 Cửa Phật chúng ra vào.
 Chuông trồng vang lưng núi,
 Đèn đuốc rạng tợ sao.
 Cửa tiền làm thề ày,
 Công đức biết dường bao.

Hòa Thượng Phúc Hậu

Viết xong mùa Thu năm Nhâm Tuất 1970
 (Kỷ niệm mùa An cư Phật Lịch 2515).





Hòa-Thượng Thích-tôn-Bảo tăng cang
chùa tam thai (43)

PHỤ-LỤC

Bìa chí chùa Linh-Ứng làm năm hoàng-triều
Duy-Tân thứ 9:

Sơn hữu tiên Tắc-danh

Địa di nhơn nhĩ thắng

Ngũ-Hành-Sơn ngã Nam quốc chí đệ nhất danh
thắng dã. Sơn hữu Tam-Thai Linh-Ứng nhị tự. Sắc-Tứ
Tăng cang Nguyễn-Thức-Trai pháp danh Ân-Lang thăng
bình An bình nhơn dã, niên thiêu ngộ thiên ư Tự-Đức
thập cửu niên nhập Linh-Ứng-Tự chi Trụ-Trì
Mật-Hạnh Hòa-Thượng, y bát truyền chi. Kiền Phước
nguyên niên, pháp hiệu Từ-Trí, Đại-Sư. Đồng Khánh
tam niên vi Linh Ứng Tự Trụ Trì; Tứ ngũ trai đàn quân
dự tôn chúng. Thành Thái thất niên, khâm sai Nam
Nghĩa Tổng Đốc Đại Thấn Nguyễn Đại Nhơn, sắc Tứ
Tăng đồ tín phục, khoa phạm ám tường, cử sung
Tăng Cang kiêm Tam Thai Linh Ứng Nhị Tự, Thập
nhị niên thất nguyệt mông tứ (Hữu tâm tương
giáo) tứ tự, giao ba châu thiên kim tương cao cội,
thập tứ niên. Phụng giá ngự bốn tự trai đàn, hữu
mong thường ngũ phước ngâ tiên nhị mai, Phật lực
Hoàng Ân lạc bào di tiền huân hạnh mãn hỷ. Đại
Duy Tân ngũ niên du di thuyền đường hiệp trác
câu lư nhật tòa tại Linh Ứng Tự, hữu danh viết
thuyền lưu tôn đường. Tư giả hải nguyệt trường,
ngưng tam muội ân, sơn vân mặc chứng lục như
châm. Song đài giả kỳ tịch chương chi cảnh dư, không

độ-giả kỳ thám huyền chi khuất dư, đại hát vĩnh trường thiên nhất sắc, hữu kỳ trường tâm chi cảnh trí dư.

SÓC

Phù nhất thiên niên dĩ tiên Ngũ-Hành nhất hải đảo nhất thiên niên hậu, vi Ngũ-Hành nhất danh sơn, Ngũ-Hành Sơn chi danh, ư ngã Nam Quốc-Tự hữu thiên nhiên kỳ thắng giả. Tuy nhiên bất hữu cốt, nan khâu huyền đàn, dĩ bảo Phật tâm thi đắc thuyền Phạm-thức-Trai thử thân, Phật gia Tiên gia. Bì kỳ triều tự lối uyển, tâm tự tịch. Hải đông thiên tề tánh đông. viên Thủ nhơn nhi đắc thủ sơn, đắc đắc nhi lai cái diệt, Tiên Phật giả.

Thuyền Lưu Tôn hữu đường tắc kỳ tự lai sắc tướng hể lượng, thức trai thử vi, thuyền lưu chi tôn hồ, ức sơn hữu Ngũ-Hành. Tảng hữu Ngũ-Thông, thiên tất chi hiệp tại, thử Sơn Trung thức trai Hòa-Thượng Vạn Cổ cao phong.

Thời Hoàng triều Duy Tân cứu niên Ất-Mẹo xuân.

1/- Nguyễn Bình-Thuận án-sát sứ, Nguyễn-Đức-Huân phủ-chính

2/- Điện-Bàn-Phủ tri-phủ Nguyễn-Đình-Tiền Cán-Ký.

3/- Điện-Bàn-Phủ tri phủ Ứng Bình. }

4/- Giáo Thọ Võ Thái. }

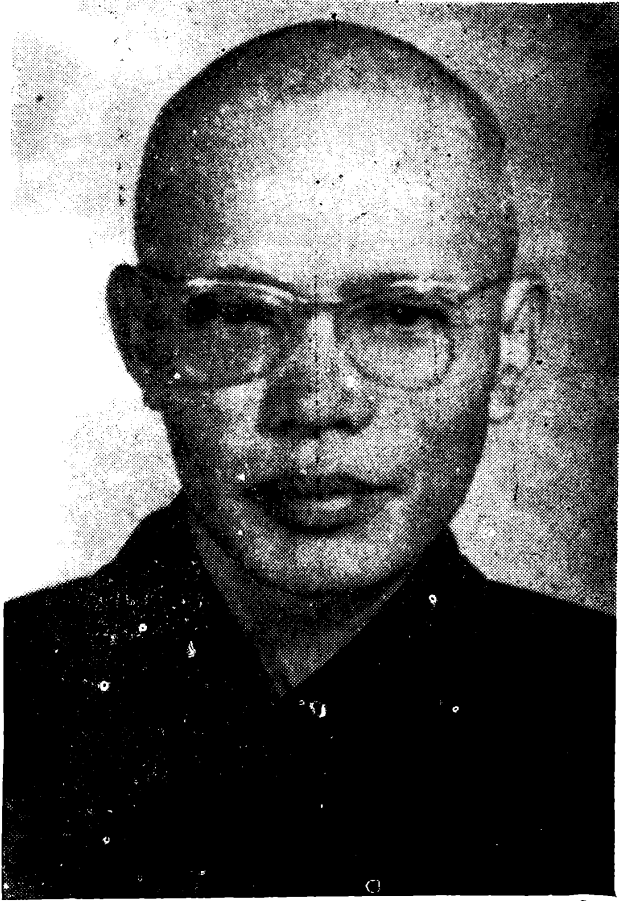
5/- Hưu ân đệ tử, }

Tú tài Võ Hoàng Nghị }

(Kiểm)

Tú tài Hồ Thăng Vinh }

Cửu Phẩm Huỳnh văn Tiêu (Thơ Huệ)



Thượng-Tọa Thích-Trí-Giác Trụ Trì chùa
Tạm Thái (44)

VIỆT DỊCH:

Bài bi chí tại chùa Linh-Ứng :

Ngũ Hành Sơn là nơi danh thắng thứ nhất của nước Việt Nam ta. Tại Ngũ Hành Sơn có hai chùa Tam Thai và Linh Ứng. Đầu tiên Nguyễn Triều ban hành Sắc Tứ chức Tăng Cang Cho Ngài Nguyễn Thức Trai, pháp danh là Ân Lang. Người chánh quán xã An Bình thuộc Quận Thăng Bình Quảng Nam.

Lúc thiếu thời sớm đã có túc như tu hành, nên năm Tự Đức thứ 19 đầu nhập vào chùa Linh Ứng, xuất gia làm đệ tử được Ngài Trụ Trì Hòa Thượng Mật-Hạnh phú pháp truyền Y. Năm vua Kiên Phước Thứ nhất, Hòa Thượng cho Pháp hiệu là Từ Trí Đại sư. Đền đời vua Đồng Khánh năm thứ hai được bổ làm Trụ Trì Chùa Linh Ứng. Từ đó Ngài tham dự các giới đàn làm ngôi Tôn Chứng. Đền triều Thành Thái năm thứ bảy, Tổng Đốc Nam Nghĩa Tỉnh Quảng-Nam Nguyễn Đại Thần, vâng theo lệnh nhà vua, Sắc Tứ Tăng Đồ tín phục (đồ mặc). Khoa phạm ám tường, cử sung chức Tăng Cang kiêm Tam Thai, Linh Ứng hai chùa. Đền tháng bảy năm Vua Thành Thái thứ 12 Sắc Tứ (Hữu tâm tượng giáo). Nghĩa là ban thường người đã nhiệt tâm lo cho đạo Phật trong thời kỳ Tượng Pháp. Thật là thời kỳ huy hoàng của giang sơn Ngũ Hành. Đền năm thứ 14 vua Thành Thái đích thân giá ngự đền Tam Thai, Linh Ứng Ngũ Hành Sơn để tổ chức trai đàn phụng Phật cầu nguyện, nguyện cầu quốc thái dân an. Bây giờ Ngài Tăng Cang Từ Trí được nhà vua ban thường « ngũ phước ngân tiền nhị

mai » thật là nhà vua đã lo lắng cho đạo Phật ở Ngũ Hành Sơn, và chức Tăng Cạng đầu tiên được sự phong tặng của vua chúa, đã nói lên việc Phật sự và tu hành tại đây của Ngài Tăng Cạng Từ Trí.

Đền năm vua Duy Tân thứ 5 Hòa Thượng làm một ngôi nhà bên chùa Linh Ứng, để thờ tôn thân gia tộc họ Nguyễn-An-Bình và thập phương bá tánh để hiệu là Thuyền Lưu Tôn Đường.

Như thế việc Phật Sự trong cảnh tu hành tỏ ngộ được thiên tâm, cũng ví như biển yên tịnh, trăng trời ẩn in vào một, nơi Vân Sơn là cảnh để chứng lục thông. Đại ý Ngài Hòa Thượng đã chứng Tam muội, Lục Thông.

Hai Vọng Giang Hải đài là cảnh tịch tịch, Huyền Không Động thầy rất mau nhiệm. Thật đã tạo trời biển một màu, un đúc trở nên chơn tâm thường trú của đạo sĩ vậy.

XÉT THẦY : —

Một ngàn năm về trước Ngũ-Hành-Sơn là một Hải đảo, một ngàn năm về sau đền bây giờ Ngũ-Hành-Sơn thành một danh thắng, Ngũ-Hành-Sơn là nơi cổ tích cảnh thiên nhiên kỳ thắng của nước Việt Nam ta. Nếu Hòa Thượng không phải trong quá khứ đã có một công phu tu hành, thời bây giờ không thể gặp được nơi bầu trời cảnh Phật; như thế Hòa Thượng chắc là một vị hiện thân của Phật hay là tiên vậy. Tuy tiếng hải triều gợn sóng mà tâm thường tịch, tự tánh viên giác bản tịnh cũng như trời biển ẩn hiệp vậy.

Người như thế, cho nên được thắng tích như thế.



Một cảnh Non Nước (45)

Sự kết quả công phu của Hòa Thượng trong đạo là thề ! Cảnh thuyên tịnh và hiện thân Hòa Thượng đâu có lường được, đã không lường được sở chứng Hòa Thượng là Ngũ-Thông, mà Ngũ Thông cũng hiệp với Ngũ-Hành nguyên lý. Thề nên với Hòa Thượng tại Ngũ Hành Sơn thật là nêu cao gương sáng chói muôn đời vậy. (Hòa Thượng Vạn Cổ Cao Phong).

Bi chí này làm vào mùa xuân năm Ất-Mão Hoàng Triều Duy Tân năm thứ 9.

NHỮNG NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG :

- 1/- Bình Thuận án sát Nguyễn Đức Huân (Phủ chính)
 - 2/- Điện Bàn phủ tri Phủ Nguyễn Đình Tiên (Cán Ký)
 - 3/- Điện Bàn Phủ tri Phủ Ưng Bình
 - 4/- Giáo thọ Võ Thái
 - 5/- Hưu Ân đệ tử
- } (Nhuận bút)
- a)- Tú Tài Võ Hoằng Nghị
 - b)- Tú Tài Hồ Thăng Vinh
- } (Duyệt lại)
- c/- Cửu phẩm Huỳnh-Văn-Tiêu (Viết, chạm)

Quan niệm ngày lễ Quán Thế âm Bồ Tát

(tại Ngũ-Hành-Sơn)

Ngũ Hành Sơn là một danh lam vốn có từ lâu, không biết đã mấy ngàn năm lịch sử. Tục truyền nơi đây là linh địa, nơi thị hiện của chư vị Thánh, nhất là Bồ-Tát Quán Thế Âm hay ứng hiện để cứu dân độ thê.

Đền Triệu Minh Mạng, Thiệu Trị nhà vua mới xây thêm chùa, chỉnh đốn các động, từ đó du khách mới bắt đầu biết đền thắng cảnh này và phải công nhận là cả một tác phẩm tuyệt hảo của thiên nhiên và cũng là chôn linh địa để cho thập phương thiện tín kết tạo phước điển, là nơi tịch tịnh cho những bậc chơn tu thuyền quán... Gần đây người vãng cảnh ngày một thêm tập nập, nhưng trong hàng du khách có một số thiều tinh thần xây dựng, nên chôn già Lam Thánh địa vì thê mất dần ý nghĩa thiêng liêng đền nay thì hầu như chỉ còn là một chỗ non nước hữu tình dành cho du khách nhàn du giải trí tới lui.



Thượng-Tọa Thích-Hương-Sơn trụ trì
chùa Linh Ứng (46)

Nhận thấy sự suy đồi đáng tiếc ãy của thắng cảnh Ngũ Hành Sơn như thề chúng tôi đã trình xin Chính-phủ mở một trai đầ̀n, hầu mong tái lập trong muôn một, bầu không khí trang nghiêm đã mất ở một nơi vừa thiêng liếng vừa lịch sử : Trong đạo tràng này, chúng tôi đặt trọng tâm cầu nguyện Dân an Quốc thái và cầu siêu tất cả những anh hồn tướng sĩ trận vong.

Trai đầ̀n đợc định vào ngày 19 tháng 2 Âm-lịch Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tên là « Hội Quan-Âm », hằng năm sẽ tổ chức như hôm nay, chọn ngày kỷ-niệm Ngài, chủ ý của chúng tôi là muôn nhân mạnh vào một tính cách cốt yếu của Phật giáo : Hạnh độ khổ. Đầ̀ngtám thanh cứu khổ Đức Quán Thế Âm, Phật tử thuận thành trong chúng ta ai mà làm không hơn một lần đã đợc Ngài rớt những giọt nước Cam-lồ, Đức của Ngài vờn là « vô tác », giống như mặt trời không soi sáng riêng ai muôn vật đều tỏ rạng. Khắp chúng sanh đợc hưởng phép nhiệm mầu, nhưng ít người thầy giọt nước Cam-lồ rỏ từ bình ngọc. Hạnh cứu khổ của Ngài vô hình, vô tướng mà tỏa ra cùng khắp như ngọn núi xanh không người vẽ mà là bức họa thiên thu, suôi đầ̀n không giây mà gảy nên muôn tiếng nhạc.

Ngài cứu độ những gì ? Hay nói khác đi, Phật-giáo đã đem những gì cho nhân loại ? Đạo Phật chỉ nhằm một mục đích giải thoát con người ra khỏi khổ đau. Đặt mục đích ãy không phải là tìm cho người những liểu thuốc mê để đợc ngất lịm đi trong cơn đau khổ mà cốt yếu là phải giao hòa con người biệt đầ̀u là vui, đầ̀u là khổ để tránh khổ tịm vui,

Chư vị Bồ tát chỉ công nhận một niềm vui vô tận là vui giải thoát, và một cái khổ vô cùng là khổ luân hồi. Luân hồi trong vòng tam chướng : tham lam, giận dữ, si mê. Diệt được si mê ấy là giải thoát. Mà con người mê lắm những gì ? Mê lắm lý hơn quả, sợ quả dữ mà không chịu gieo như lạnh, Mê lắm lẽ vô thường, đắm trước nơi sự vật để tham sân mỗi ngày thêm nặng gánh. Những mê lắm ấy một khi đã trừ diệt, con người sẽ được tự tại ngay trong cõi trăm luân. Một tâm thân lâng lâng nhẹ, không bận chút phiền não nhiễm ô, thì Niết bàn còn đâu xa nữa ?

Phật giáo không đặt một mục tiêu giải thoát viễn vông siêu hình, mà chính ngay ở trong cuộc sống. Con người đã đau khổ trong cuộc đời, thì cũng chính trong cuộc đời con người sẽ tìm thấy an vui. Khổ đau hiện tại ví như cầu bán của một ly nước mà phần nước trong là hạnh phúc. Chúng ta không thể tìm hạnh phúc bằng đổ phang ly nước mà chính là phải gạn lọc sạch cầu bán « khổ đau ». Nguyên nhân khổ đau ấy chính là tam chướng vậy,

Nghiệp lực đã xô đẩy chúng ta vào một thế giới xoay vần sông trong cộng nghiệp ấy, bốn phận chúng ta là hoạt động, không được dừng nghỉ vì dừng nghỉ có nghĩa là không gạt lấy quả mà ta đã gieo nhân. Những hoạt động với một tinh thần « giải thoát », đây chính là điều cần yếu người Phật tử phải ghi lòng tạc dạ.

Với một ít « hành lý » Phật pháp căn bản, con người mạnh dạn bước vào cuộc đời không ngại chông gai. Gương sáng của chư vị Bồ tát có diệu dụng như ngọn đèn soi



Chùa Tam - Tôn (47)



Đá đá và sắt đá (48)

chúng ta trên những nẻo đường tăm tối; giáo lý tự nó đã là một phép nhiệm mầu cho chúng ta trên đường hành động. Đây chẳng phải là biến hình của giọt nước Cam-lô hay sao ?

Kính thưa quý Liệt vị,

Bây nhiêu Giáo pháp nhắc lại ày đã vừa đủ để chúng ta khai mạc hội trai đàn thanh tịnh. Ngay từ giờ phút này, Ngũ-Hành-Sơn động đã mang một ý nghĩa mới, đã phục hồi ý nghĩa thiêng-liêng.

Mỗi đầu năm đèn hôm nay « HỘI QUAN-ÂM » sẽ lại khai mở để chư Phật-tử có dịp kiểm điểm lại những vốn liếng giáo lý cùng hoạt động của mình trong năm qua, hầu mong ngày một thêm tinh thần tiến. Quý vị sẽ tìm ở đây một nơi an dưỡng tinh thần linh diệu, giữa thẳng cảnh thiên nhiên với bao nhiêu thanh tịnh quý vô song mà quý vị có nhiệm vụ bảo tồn với danh nghĩa một Phật tử tôn thờ Phật bảo và với danh nghĩa một công dân yêu nước biết gìn giữ một kỷ niệm quý hóa của tiền nhân.

**NAM MÔ TÂM THANH CỨU KHỔ QUAN ÂM NHƯ LAI
ĐỘ TẬN CHÚNG SANH**

Nhớ Về Khai Hội

Đường về Non Nước quện hương trầm
 Bể cả đời cao gọi nhớ trông.
 Bao kiếp ngàn xưa đã toại nguyện,
 Mẹ hiền cứu độ vạn muôn lòng.

Bàn tay âu yếm luôn thoa dịu,
 Bao kẻ cơ hàn sống quạnh hiu
 Nước mát, cảnh dương từng rưới nhẹ,
 Lửa phiền dẹp tắt, hết đau thương.

Làm sao quên được tình vô lượng,
 Mẫu từ thể hiện mãi bên ta.
 Lắng nghe tiếng khóc cùng hơi thở,
 Hòa mình dâu bể của Ta bà,

Nhớ mẹ về đây ... chôn Đà Thành,
 Để qua Non nước hội Quan Âm,
 Tháng hai mười chín, ngày khai hội,
 Chiêm bái Thánh hình thỏa ước mong.

Về đây chim mãi hát câu kinh,
 Khe nước tuông theo tiếng nhạc từ
 Cây cỏ muôn đời xanh thắm mãi
 Động Huyền mẫu nhiệm dệt nên thơ.

Tám hướng nhớ về quanh bóng mẹ,
 Xông thêm hương âm của mùa Xuân.
 Đừng quên người nhé ! Ngày khai-hội
 Một niệm muôn lòng chung kính dâng.

Cung kính lạy ngài thêm giọt nước
 Cho người dân Việt biết thương nhau
 Bình đao sẽ thề bằng Hoa-Đạo,
 Nhân loại hòa vui dưới nắng đào.

ĐỨC THƯƠNG



Lịch sử : **NGŨ HÀNH SƠN**

In lần thứ nhất 3.000 quyển tại Saigon;

Tác giả giữ bản quyền.

HẠNH NGUYỄN

QUAN THỂ ÂM

BỒ TÁT

CẢM ỨNG TỰ NHIÊN

Trích của H.T Linh Mục

Phật-giáo xưa nay như mọi người đều biết là hoàn toàn xây dựng trên lý trí. Nói cách khác, đạo Phật là đạo trí tuệ, là của mọi nhận định sáng suốt. Không chủ trương thần quyền, hay ý lại vào lời tin mù quáng, đức Phật không bao giờ tự cho mình là một đấng toàn năng, có quyền thưởng phạt, ban phước cho ai, mà trái lại, Ngài chỉ nhận mình là một bậc Thấy dẫn đạo sáng suốt đối với những chúng sanh còn mê mờ. Do đó, theo Phật giáo không có sự thưởng phạt ngoài tâm niệm thiện ác của con người. Con người tự ban thưởng lấy mình, nếu lòng người làm những việc hiền lương phước đức, và cũng chính con người, tự hành phạt lấy mình, nếu họ gây nhân độc ác xấu xa. Như thế, tâm niệm là động cơ chính, gây nên cho con người sự hạnh phúc hay đau khổ. Phật dạy: « Tâm tạo Thiên-đường tâm tạo Địa-ngục » là vậy.

Đền đây, chắc không khỏi có người thắc mắc hỏi :
— Nếu con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hành động xấu tốt do mình gây ra, thì trong kinh Pháp-Hoa Phật dạy : khi người gặp tai nạn, hay tật bệnh hiểm nghèo, chuyên tâm kêu cầu, niệm danh hiệu đức Quán-Thê-Âm là tại làm sao ?

Ví như chúng ta đã biết, chư Phật Bồ-Tát là hiện thân của vô lượng công đức, Tuy công đức vô lượng, vô biên, nhưng có thể cô đọng ở hai phần: phước đức trí-tuệ Phước đức trí tuệ này của chư Phật Bồ-tát nó tràn đầy khắp



Tại Động Huyền Không



Miếu trong Tầng Chơn Động

không gian thời gian như điện lực, sẵn có khắp cùng hư không vũ trụ. Riêng chúng ta ai cũng sẵn có những đức tánh phước đức và trí tuệ ấy, nhưng ngại vì nhiều tánh xấu xa mê lầm che lấp. Và ai cũng muốn rằng những tánh xấu xa được trừ sạch, những đức tánh tốt được tăng trưởng dồi dào. Cho nên khi chúng ta niệm danh hiệu Chư Phật Bồ Tát, là cốt để trừ bỏ mọi tánh xấu, đồng thời phát huy mọi đức tánh tốt sẵn có nơi mình. Một khi phước đức trí tuệ chúng ta phát triển tức là đã tiến lại gần với phước đức trí tuệ rộng lớn vô biên của Chư Phật Bồ tát, và nhờ phước đức trí tuệ vô biên của chư Phật Bồ tát sẽ tiếp lực làm cho phước trí đang suy yếu của chúng ta được tăng trưởng như dòng điện sắp tắt sẽ sáng rực lên nhờ một dòng điện ạnh khác chuyển điện cho. Và tắt nhiên ánh sáng lẫn tỏa đèn đâu thì bóng tối lẫn tiêu đèn đó. Cũng thế, khi phước đức tăng thì mọi điều vô phước như tai nạn rủi ro sẽ giảm; và trí tuệ tăng thì mọi điều mê lầm phiền não sẽ chấm dứt.

Như trên kia đã nói tắt cả đều do tâm hiện nên khi tâm mình bớt tội lỗi, mê lầm thì phước đức, trí tuệ sẽ hiện bày và tự nhiên thông cảm đèn chư Phật. Lúc bày giờ không cầu cảm ứng mà cảm ứng tự nhiên Cũng như giòng nước kia, không cầu trăng hiện, nhưng một khi lóng trong, không xao động thì ánh trăng sẽ hiện xuống rõ ràng. Sự chiều lâm của chư Phật Bồ Tát rất bình đẳng không phân biệt người oán kẻ thân, người thương kẻ ghét, tuy nhiên không thể cảm ứng được nơi một chúng sanh nào không niệm Phật hay nói cách khác, khi tâm họ không thanh tịnh, như ánh trăng chiều khắp không gian, nhưng không thể hiện

rõ được nơi vũng nước nào thường giao ộng đục vẫn. Nên trong kinh Pháp hoa Phật dạy : *«Nhất tâm xưng danh Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát»* là thế.

Thật vậy, khi chúng ta chuyên lòng niệm Phật. bao nhiêu tư tưởng ý niệm xấu đều được lặn xuống thì tất nhiên lúc ấy mọi đức tánh tốt sẽ phơi bày ra.

Tóm lại, muốn chóng hết mọi đau khổ, mê lầm, người Phật Tử không thể như một số người đã ý lại khuất phục tin ở thần quyền để cầu mong được an-vui hạnh phúc, mặc dù trong khi đó, họ đã gây nên nhiều tội ác. Trái lại, trước tiên bằng mọi nỗ lực cá nhân, tự tu hành, giữ tâm mình thanh tịnh, rồi sau mới nhờ đến sức gia hộ của Chư Phật Bồ-Tát.

Mong rằng tất cả Phật Tử, sau khi đã hiểu rõ lợi ích thiết thực trong sự cảm ứng của chư Phật Bồ Tát như đã giải thích trên, sẽ cố gắng tự mình tích cực tinh tấn tu học và mặt khác, hằng ngày nên chuyên tâm niệm Phật nhiều hơn để mau đạt đến kết quả giải thoát an-lạc,



Đức Quan Thế Âm Bồ Tát

I.- NGƯỜI VIỆT-NAM VỚI ĐỨC QUÁN-THẾ-ÂM.

Hầu hết người Việt Nam đều ngưỡng mộ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Trong các chùa ở Thành thị cũng như ở thôn quê, ở đâu cũng có tôn thờ hình tượng của Ngài; người ta còn thờ riêng ở nhà nữa. Nhiều người chưa biết gì về giáo lý của Đạo Phật nhưng họ vẫn kính mộ Bồ Tát một cách thuần thành. Trong những chuyện cổ tích, người Việt-Nam thường kính cẩn nhắc nhở đến danh hiệu Quan-Thế-Âm Bồ-Tát (hay Phật Bà) và coi Ngài là một vị Bồ Tát luôn luôn sẵn-sàng cứu khổ, cứu nạn cho họ.

Ngay trong những vở tuồng, đĩa hát, phim ảnh đều có hình ảnh và tiếng nói của Bồ Tát.

Lòng tín-ngưỡng Quan-Thế Âm Bồ-Tát của dân tộc Việt-Nam quả thật rất sâu sắc.

Để bồi bổ cho lòng tin này được vững bền và phát triển, chúng tôi xin trình bày qua một vài nét lịch sử và những quan điểm có liên hệ đến Ngài sau đây.

II. - VÀI NÉT LỊCH-SỬ VÀ PHÁP MÔN TU-HÀNH CỦA NGÀI.

Kinh Bi-Hoa chép : « Trong thời quá khứ Bồ Tát Quán Thế Âm là Thái tử con Vua Vô Trách Niệm, đồng thời có Đức Bảo Tạng Như Lai ra đời giáo hóa chúng

朝約南望五行山
柳晉龍岩在此間

不劫潮音宣梵唄
無窮石磴擁禪關

重始草樹開香國
普利人天建道場

是處登臨應志淨
仙都何事寸心忙

頓化水月主人翠峰

CHÙA NON NƯỚC

sanh. Thâu triết đạo lý do Đức Phật ấy truyền dạy, vua phát tâm cầu đạo và giáo hóa chúng sanh Nhà Vua cúng dường Phật và chúng Tăng luôn trong ba tháng và tinh tấn tu hành. Thái tử cũng vậy. Khi công hạnh vẹn toàn, vua thành Phật hiệu là A-Di-ĐÀ ở tây phương Cực-lạc.

Thái tử cũng sanh về nước ấy và thành Bồ Tát hiệu Quán-Thê-Âm để trợ giúp Phật A-DI-ĐÀ tiếp dẫn chúng sanh ».

Trong thời kỳ đức Thích Ca ra đời Bồ-Tát hiệu là Quán Thê Âm hóa hiện vào thế giới này để trợ giúp Ngài trong công việc giáo hóa.

Vì ảnh hưởng chung (1) nên chúng ta không thể tìm thấy gốc tích giòng họ sinh quán v.v.. của Ngài như tìm lịch sử của các Ngài: Xá-Lợi Phất, Mục-Kiến Liên.

Muốn biết lịch sử Ngài phải nhìn về quá khứ.

Kinh Thiên-Thủ thiên nhãn vô ngại Đại-bi chép : trong vô lượng kiếp về quá khứ đức Quán-Thê-Âm đã thành Phật hiệu «Chánh-Pháp-Minh Như-Lai» Vì nguyện lực Đại bi nên hiện thân Bồ Tát để cứu Độ chúng sanh. Kinh Quan-Âm Tam-muội đức Thích Ca cũng có nói Bồ Tát Quan Âm là một vị cổ Phật và Ngài còn nhìn nhận chính Ngài là đệ tử xa xưa của vị cổ Phật ấy.

Trong Kinh Lăng-Nghiêm Bồ-Tát có thuật lại phương pháp tu hành của Ngài là do nghe, suy nghĩ và tu tập mà nhập chánh định.

Bắt đầu Ngài tu từ sự nghe. Trong một (cái nghe) trước tiên phải quên tiến trần (âm thanh) rồi diệt trừ nội căn (nhĩ căn) rồi bỏ luôn quán trí và cuối cùng diệt hết đề lý, Ngài chuyển dụng khả năng nghe tiếng bên ngoài và nghe lại tự tánh (phản văn tự tánh). Đến lúc những cái sinh diệt diệt hết thì tánh vắng lặng hiện ra và khi ấy chứng được «nhĩ căn viên thông» và được hai thứ thù thắng : đồng với từ lực của mười phương chư Phật và cảm thông lòng cầu mong thương cứu của chúng sanh trong sáu đường.

Tóm lại chúng ta chỉ tìm thấy một vài điểm lịch sử của đức Quan Thế Âm Bồ Tát qua những đoạn văn trong các kệ kinh do đức Bốn Sư giới thiệu và pháp môn tu hành của Ngài là : dùng nhĩ căn theo chiều thanh tịnh ; khi căn trần thanh tịnh thì chứng được viên thông. Ấy là pháp môn có tác dụng đặc biệt với chúng sanh trong cảnh giới Ta bà này.

III – GIẢI THÍCH DANH HIỆU QUÁN-THẾ-ÂM-BỒ-TÁT

Tiêng phạn là Boddhisatta dịch âm là Bồ Tát : Bồ tát là một danh từ chỉ cho những vị phát tâm rộng lớn cầu sự giác ngộ như Chư Phật và giáo hóa chúng sanh. Tiêng Phạn là Avalokitésvara. Tàu dịch là Quan-Thế-Âm nghĩa là quán xét tiếng tăm đau khổ của đời để cứu độ.

Kinh Pháp hoa Phẩm Phổ môn Phật giải thích : « Nêu có vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sanh bị các khổ não nghe danh hiệu của vị Bồ-Tát này, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-Tát, tức thời Bồ Tát nghe tiếng kêu cầu rồi làm cho tất cả đều được giải thoát. Vì thế nên gọi là Quan Thế Âm»

Quan Thê Âm Bồ Tát là một vị Thánh nhân có diệu dụng đặc biệt là quán xét và nghe thấu tất cả tiếng khổ đau rồi từ bi giáo hóa cứu độ đưa chúng sanh đến nơi an vui, giải thoát cho nên cũng gọi là : tâm thanh, cứu khổ, cứu nạn đại từ đại bi linh cảm (Quan Thê Âm Bồ Tát). « Cũng có tên là Quán Tự tại Bồ Tát », nghĩa là vị Bồ Tát dùng trí huệ bát nhã quán sát sự vật đúng như chân lý một cách tự tại, và thoát ngoài tất cả tai ách, khổ nạn.

Trong tất cả các danh hiệu của chư Phật và Bồ Tát danh hiệu của Ngài là được chúng sanh trì niệm nhiều, nhất là gặp những lúc điên đảo khổ đau, đầy đao binh và tai nạn.

Trong Kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn đức Phật so sánh phước đức của người thọ trì 62 ức hàng hà sa số danh hiệu của các vị Bồ Tát khác.

IV.— Ý NGHĨA HÌNH - TƯỢNG CỦA NGÀI

Người ta thường đắp và vẽ tượng Ngài với hình dáng phụ-nữ để tượng trưng cho lòng thương không bờ bến của Ngài—bà mẹ hiền trong tất cả bà mẹ hiền. Nhanh Dương chi và binh Cam lộ là tượng trưng cho lòng từ bi, trí giác ngộ của Ngài, có thể rưới tắt và làm dịu mát bao nỗi khổ đau bao điều phiền não đang bùng cháy trong lòng chúng sanh.

Hình vẽ Bồ Tát ngự trên hoa sen trắng trên biển đông ba đào cho chúng ta biết : mặc dù trong cõi đời dạt dào sóng gió khổ đau, tai nạn, chúng sanh đang hụp

lặn, nổi trôi, Bồ Tát người của chân lý ngát hương luôn luôn mang đèn cho chúng sanh những hương thơm của Hoa Đạo, quyết đưa họ về với cuộc sống dịu hòa của chân lý.

Một hình tượng khác, Ngài lặng ngồi nhập định bên rừng trong núi Phổ Đà, nhưng đồng thời vẫn thuyết pháp độ sanh nói được ý tuy hắng tùy duyên hóa độ chúng sanh, nhưng Ngài vẫn an trú nơi đạo tràng thanh tịnh. Bên cạnh là Long Nữ và Thiện tài tượng trưng cho phạm hạnh đồng chơn của Bồ Tát tuy ở trong bùn lầy ô trược của trần gian đen tối nhưng Bồ Tát vẫn hồn nhiên vui sống trong cảnh giới thanh tịnh của đạo mẫu trong trắng.

Ở một vài nơi (như chùa Bút Tháp ở Hà Nội) còn thờ tượng Ngài đủ cả ngàn tay ngàn mắt, (Thiên Thủ Thiên nhãn). Tay là tượng trưng cho Từ bi, do từ bi mà phát xuất vô lượng phương tiện để cứu độ chúng sanh. Mắt là tượng trưng cho trí tuệ, trí tuệ sáng suốt ngộ nhập chơn lý và quán xét căn cơ của muôn loài để đưa họ về nơi bền giác.

Những hình tượng trên đều nói được nhiều ý sáng tươi cao đẹp của Ngài và của chân lý, nên người ta đã tôn thờ khắp nơi khắp chốn. Người ta còn đeo tượng Ngài ngay trong thân thể, được sống nhiều trong ảnh hưởng từ bi của Ngài.

Trong kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn Phật còn dạy : «nêu ai cung kính lễ bái Quan Thê Âm Bồ Tát thì phước đức hưởng trong ngàn vạn ức kiếp cũng không hết và dầu chỉ lễ bái cúng dường một lần cũng vậy»

V.- HẠNH NGUYỆN VÀ SỰ LINH ỨNG CỦA NGÀI.

Trong kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn đức Bồ-nhơn dạy : Quán-Thê Âm Bồ Tát có những hạnh nguyện rất vĩ đại. Ngài dùng oai thần diệu dụng hóa hiện vô số thân trong mọi loài để cứu độ. Đáng dùng thân Phật để cứu độ Ngài hiện thân Phật cho đến đáng dùng thân đồng Nam đồng Nữ để hóa độ Ngài hiện thân đồng nam đồng nữ để hóa độ. Đáng dùng thân gì Ngài hiện Thân ấy. Ngài hiện đủ 32 loại thân và hóa thân nhiều nhất của Ngài là hóa thân phụ nữ. Có nhiều người thắc mắc không hiểu Quán Thê Âm Bồ Tát là đàn ông hay đàn bà nơi đây chúng ta thấy Ngài hiện vô số thân chứ không phải chỉ là đàn ông đàn bà. Ngài dùng Tất cả phương tiện để làm cho chúng sanh khỏi các khổ nạn tai ách diệt trừ tham, sân, si và đưa chúng sanh đến chỗ Giác Ngộ và giải thoát — nhất là Ngài thường ban bố đức Vô úy, hùng lực không sợ sệt trước mọi tai nạn bất ngờ, cho những chúng sanh hèn yếu.

VI.- KẾT LUẬN.

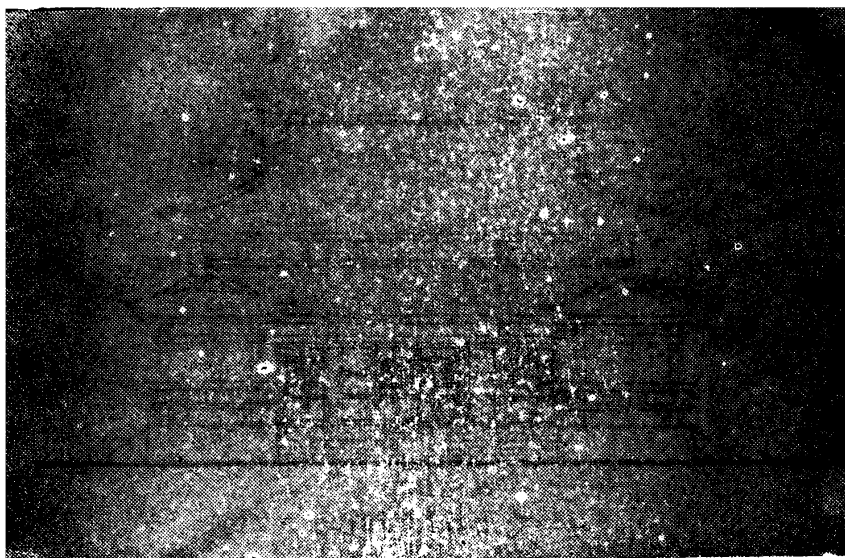
Trong kệ kinh và trên sự thật cho chúng ta biết đức Quán Thê Âm là một vị Bồ Tát có rất nhiều ơn duyên với chúng sanh trong cõi Ta Bà này. Ngài lại đủ oai thần và phương tiện để cứu khổ ban vui cho muôn loài.

Nhưng có thừa hưởng được ân huệ của Ngài hay không một phần lớn do chúng ta định đoạt.

Và ngoài việc trì niệm danh hiệu lễ bái cúng dường Ngài, ta còn phải biết giao hòa với Ngài bằng cách cố gắng thực hành theo hạnh Từ-Bi của Ngài để làm vơi cạn bao nỗi khổ đau, bao điều sầu não cho mình và người trong hiện tại cũng như tương lai.

Nói cách khác là chúng ta hãy qui ngưỡng với Bồ Tát Quán-Thê-Âm để được an vui và đem lại an vui cho mọi người.





Sơ-Đồ chánh điện chùa Linh Ứng (45)

lời kinh Phát-Nguyện Quy-Y

Đệ-tứ hôm nay qui trước điện
Chí tâm đánh lễ đàng Từ-Tôn
Đã bao phen sanh tử dập dờn
Trôi lăn mãi trong vòng lục đạo
Thề-Tôn đã đình ninh di-giáo
Mà con còn đắm đuối mê say
Mắt tra xem huyễn cảnh hằng ngày
Tai thích tiếng mật đường dưa nịnh
Mũi quen ngửi mùi thơm bắt tịnh
Lưỡi dẹt thêu lằm chuyện cay co
Thân ham dùng gặm, vóc, sa, sô
Ý mơ tưởng bao la vũ trụ
Bồi lục-dục lòng tham không đủ
Lập che lẩn trí-tuệ từ lâu
Hôm nay mong giác ngộ hồi đầu
Tâm sám hồi phơi bày tỏ rõ
Nguyên tội ác từ đây lia bỏ
Chuyển sáu căn ra khỏi lằm mê
Trước Đài-sen thành kính hướng về
Tịnh tâm ý quy-y Tam-Bảo
Phật giới cầm, chuyên trì chu đáo
Dứt tận cùng cõi rẽ vô minh
Chí phạm phu tự lực khó thành
Cầu đại giác Từ-Bi gia hộ
Dù phải chịu muôn ngàn gian khổ
- Con dờn lòng vì Đạo hy-sanh
Nương Từ-quang tìm đèn Bửu thành
Đặng tự-giác, giác tha viên mãn.

CHÙA NON NƯỚC

Ngày Hội Quan Âm

TẠI NGŨ HÀNH SƠN NON NƯỚC

Quảng-Nam có núi Ngũ-hành,
Mây năm sắc phủ non xanh bốn mùa
Bồng-lai sánh hần không thua
Hoa thơm cỏ lạ cảnh chùa nơi đây
Là chùa non nước xưa nay
Danh lam đệ nhất của rày Miến Trung
Có hang có động lạ lùng
Có đường xuống đất đường thông lên trời
Vọng giang, Vọng hải hai đài
Hang trong Huyền hạc động ngoài Thiên long
Bên chùa có động Huyền không
Cửa ngoài có tượng Quan Âm Phật Bà
Quy đây ta ngỡ là ta
Lạc vào tiên cảnh hay là Thiên cung
Càng nhìn càng thấy lạ lùng
Đá như găm dẹt sắc tung muôn màu
Thêm nhiều hình đá xem lâu
Dường như cử động nhiệm mầu Thần Tiên
Lách vào qua một hang bên
Có hai thạch nhũ từ trên là đà
Nước đâu trong đó chảy ra
Từ từ từng giọt thiết là lạ thay
Nấy ai chưa đến chôn này

Với ai đã có những ngày lên đây
 Nhớ là khi sự năm nay
 Tại đây sẽ mở hội ngày Quan Âm
 Hội này thường có hằng năm
 Tháng hai mươi chín luôn trong mấy ngày
 Mau mau chuẩn bị từ nay
 Để cùng thấy hội viêng rẩy non tiên
 Quan-Âm là đấng mẹ hiền
 Tình thâm mẫu tử một niềm vì ta
 Những khi tai nạn xảy ra
 Nhờ Ngài phò hộ mà ta an lành
 Từ-bi biến hóa muôn hình
 Mười hai lời nguyện quyết tình độ sanh
 Ơn Ngài hơn cả cao xanh
 Muôn ngàn gọi chút tâm thành của ta
 Hội này đừng chớ bỏ qua
 Đừng vì công của đường xa ngại ngùng
 Về đây ngày hội Quan Âm
 Để cùng lễ Phật phát tâm Bồ đề
 Lập bằng bể khổ sông mê
 Dâng cao đuốc tuệ diệt bể tồi tăm
 Về đây cầu đức Quan Âm
 Nước nhà thịnh trị muôn dân thái bình.

Tâm-Thông

TRẦN NGỌC CƠ

Vọng ngũ Hành Sơn

của

T.T. BÍCH PHONG

Triều triều nam vọng Ngũ-Hành-Sơn,
Ức Phổ đà nham tại thứ gian,
Bắt đoạn triều âm tuyên phạm bá,
Vô cùng thạch đẳng ủng thuyền quan.
Trùng chiêm thảo thọ khai Hương-quốc,
Phổ lợi nhơn thiên kiên đạo tràng.
Thị xứ đặng lâm trần niệm tịnh,
Tiên đô hà sự thồn tâm mang.

Dịch

Lắm lúc trông qua núi Ngũ-Hành,
Phổ-đà đây hẳn kiếp ba sinh.
Hôm mai sóng biển hỗn như gợn,
Cao thấp rừng thuyền đá bọc quanh,
Thảo thọ chào xuân chiếu rực rỡ,
Đàn tràng khắp độ kiếp mong manh.
Bụi trần rửa sạch từ đây nhĩ,
Mong mới mà chi chồn Ngọc-kinh,

PHỤ - BẢN

Bé khổ trông ra nước đục lờ
Lên đàng cứu khổ toan quay lại
Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm
Gỏ vờ trần tâm tiếng mõ trưa

Ngũ-Hành-Sơn không những là một thắng tích kỳ quan, mà lại là một nơi thiền tự thanh vắng, lễ bái quanh năm, hương khói bốn mùa của những khách thập phương và những người mộ đạo Tu hành âm thanh giải thoát, đã là đầu Tiên gót Phật; có sức quyền rũ những người chán ngán cho thế sự trần gian, tìm đèn cảnh Phật đài kinh kệ. Cửa thuyền là cái địa bàn cho tất cả chúng sinh, nhất là sự hướng dẫn gần hơn của con người, còn lặn hụp trong biển khổ mênh mông, để biết hướng mà về bờ bến, một tiếng mõ đều đều, tiếng chuông ngân lại, một lời kinh trầm bổng, nó cũng đủ làm lòng thế nhân vui bớt nỗi niềm hệ lụy; có nhiều du khách không nói đến người mộ đạo hành hương lễ bái, có nhiều du khách để chân đèn cảnh chùa Non Nước sao trong người chúng tôi thấy như đã trút sạch bao nhiêu nỗi tâm hồn phiền muộn của trần gian thế sự.

Thân như bóng chớp chiếu tà
Cỏ xuân tươi tốt Thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời.
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành

Ông Tô-Đông Pha cất nghĩa «Nào công hầu nào khanh tướng, đèn như Tấn-Thị-Hoàng tóm thâu lục quốc, ba ngàn cung Tấn, rớt cuộc cũng chung một nắm mớ, Đông Tây cổ kim, không biết bao nhiêu anh hùng làm nên trong thiên hạ, nay còn có ở đâu nào, cho đèn Đức Khổng Phu Tử ở Trung Hoa có một bậc nhật trong thiên hạ, tan cuộc chỉ còn hai chữ Thánh Sư, nay còn ở đâu.

Cảnh chùa là nơi mộ cổ thần chung, sớm chuông chiếu mõ, chiêu hồi mọi người hăm mê danh lợi thê nhân; cảnh tỉnh danh lợi khách; Ngày lễ hoặc là những người hành hương trước Phật Đài đã giao cảm với tất cả lòng trung thành, họ tự phản tỉnh bản thân của mình cũng như mọi người khác, đều được Giác-Ngộ cuộc thê mà quay về với Chánh Đạo.

Nói đèn thân thê thì cụ Nguyễn-Du cho rằng : «Trăm năm còn có gì đâu, chẳng qua là một tấm cỏ khâu xanh rì ». Nguyễn Khắc Hiếu Tấn Đà giác mộng lớn : « Nào cửa nào nhà, nào câu đối đỏ, mảnh mảnh hoa, nào ruộng nào vườn, bây chừ đâu cả, cuộc nhân thê từ xưa vẫn thê, trăm năm khôn dại dễ đầu mà », không ai tránh khỏi luật vô thường bại hoại. Cụ Nguyễn Du cho :

« Thiện tâm ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
Có người mà cũng có ta
Tu là cội phúc đời là giây oan »
Bé khổ mệnh mông sồng đục lờ
Một mình chèo chiếc thuyền chơi

CHÙA NON NƯỚC

Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Tính lại cũng trong bể thắm thôi

Cửa Tam Thai hay là nơi Linh Ứng, dứt bỏ nỗi nợ trần, nơi am thiền khổ hạnh, dứt hẳn nỗi thê nhân, kiếp phù sinh ba vạn sáu ngàn ngày là mây; cảnh tam-quan tuy trông bao lần rêu phủ, nhưng Phật đài đức Từ-bi đang nhìn thê nhân một cách hiền hòa, nói lên một sự đưa tay dịu dặt, Tuy Ngài ngồi ở nơi núi non vắng lặng cổ tích nguy nga, nhưng không một phút nào bỏ chúng sanh lạc lỏng.

Các bạn hỡi nghe chăng trong vắng lặng
Tiếng chuông rền ngân mãi khắp không gian
Khi bình minh hoặc khi ánh chiều tà.
Chuông đạo lý vẫn đều vang âm điệu
Các bạn hỡi nghe chăng chuông huyền diệu
Đã nói gì tha thiết với ta đây
Như khoan dung như phần khởi nhắc bày
Hãy tỉnh ngộ người đi cùng giác ngộ.
Đây nhân loại cõi ta bà khờn khổ
Đây nhân sinh đang nặng nề kiếp mê lầm.
Hãy quay về an đỉnh với từ tâm
Với bản thể quang minh và chơn chánh

Chư Phật và chư vị Bồ Tát, chỉ công nhận một niềm vui vô tận, là vui giải thoát, và một cái khổ vô cùng là cái khổ luân hồi. Luân hồi trong vòng tam chương: Tham lam, sân giận, si mê. Diệt được si mê

ày là được giải thoát. Mà con người mê lắm những gì ? Mê lắm là lý nhân quả. Sợ quả dữ mà không chịu gieo nhân lành. Mê lắm lẽ vô thường, đắm trước nơi sự vật để tham sân mỗi ngày thêm nặng gánh. Những mê lắm ấy, một khi đã trừ diệt con người sẽ được tự tại ngay trong cõi trăm luân. Một tâm thân lâng lâng nhẹ, không bận chút phiền não nhiễm ô, thì Niết Bàn còn đâu xa nữa?

Phật-giáo không đặt một mục tiêu giải thoát viễn vông siêu hình, mà chính ở ngay trong cuộc sống, con người đã đau khổ trong cuộc đời, thì cũng chính trong cuộc đời con người sẽ tìm thấy an vui. Khổ đau hiện tại ví như cầu bản của một ly nước, mà phần nước trong là hạnh phúc. Chúng ta không thể tìm hạnh phúc bằng cách đổ phăng ly nước, mà chính là phải gạn lọc sạch cầu bản «khổ đau». Nguyên nhân khổ đau ấy chính là tam chương vậy.

Nghiệp lực xô đẩy chúng ta vào một thê giới xoay vần, sống trong cộng nghiệp ấy, bốn phận chúng ta là hoạt động, không được dừng nghỉ vì dừng nghỉ có nghĩa là không gặt lấy quả mà ta đã gieo nhân. Những hoạt động với một tinh thần «giải thoát» đây chính là điều cần yếu người Phật Tử phải ghi lòng tạc dạ.

Với một ít «hành lý» Phật pháp căn bản, con người mạnh dạn bước vào cuộc đời không ngại chông gai. Gương sáng của chư vị Phật Bồ Tát có diệu dụng như ngọn đèn soi chúng ta, trên những nẻo đường tăm tối, giáo lý tự nó đã là một phép nhiệm mầu cho chúng ta, trên đường hành động. Đi đây chẳng phải là biên hình của giọt nước cam lồ hay sao ?

GIẤY PHÉP SỐ 200 UBKD/VIET CẤP NGÀY 15-12-197.